

BỘ CÔNG THƯƠNG

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

HÀ NỘI – 01/2014

MỤC LỤC

TỪ VIẾT TẮT.....	8
CƠ SỞ PHÁP LÝ.....	9
PHẦN THỨ NHẤT: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP	11
I. GIỚI THIỆU VỀ TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM (VINATEX)	11
1. Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Lịch sử hình thành, phát triển và mô hình tổ chức.....	11
1.1. Giai đoạn trước năm 2005.....	11
1.2. Giai đoạn 2005 - 2010.....	12
1.3. Giai đoạn 2010-2012.....	13
2. Giới thiệu về Công ty TNHH MTV Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VINATEX) và các đơn vị TNHH MTV cùng thực hiện cổ phần hóa với Vinatex	16
2.1. Thông tin doanh nghiệp.....	16
2.2. Các văn bản thành lập doanh nghiệp.....	17
2.3. Ngành nghề kinh doanh.....	17
2.4. Vốn kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	19
2.5. Mô hình tổ chức của Vinatex trước cổ phần hóa	19
2.6. Vai trò của Vinatex trước cổ phần hóa	20
2.7. Hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trước cổ phần hóa.....	21
3. Giới thiệu về các công ty TNHH MTV	23
3.1. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân.....	23
3.2. Công ty TNHH MTV Dệt 8/3.....	24
3.3. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương.....	24
3.4. Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt may Việt Nam.....	25
II. HIỆN TRẠNG LAO ĐỘNG TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	25
1. Thực trạng lao động toàn Tập đoàn.....	25
1.1. Số lượng lao động	25
1.2. Chất lượng lao động.....	27
2. Thực trạng lao động của Vinatex và các đơn vị phụ thuộc.....	28
2.1. Số lượng lao động	28
2.2. Chất lượng lao động.....	29
3. Thực trạng lao động tại 4 công ty TNHH MTV.....	31
3.1. Số lượng lao động	31
3.2. Chất lượng lao động.....	31
III. NĂNG LỰC SẢN XUẤT VÀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	32
1. Năng lực sản xuất và sản lượng.....	32
2. Thị trường	33
2.1. Thị trường quốc tế.....	33

2.2. Thị trường nội địa	35
3. Cơ cấu nguồn vốn và hoạt động đầu tư của Vinatex.....	36
IV. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	37
1. Kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.....	37
2. Kết quả sản xuất kinh doanh của Vinatex và các đơn vị TNHH MTV cùng thực hiện cổ phần hóa với công ty Mẹ - Tập đoàn	38
3. Kết quả sản xuất kinh doanh của Vinatex và các đơn vị phụ thuộc	38
3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh của Vinatex	38
3.2. Kết quả sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp Veston Hải Phòng.....	41
3.3. Kết quả sản xuất kinh doanh của Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt May Phố Nối	41
4. Kết quả sản xuất kinh doanh của 4 công ty TNHH MTV.....	42
V. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐẤT TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	44
VI. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	45
1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Vinatex	45
2. Cơ cấu nguồn vốn, tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của các đơn vị phụ thuộc và 4 công ty TNHH MTV cùng tham gia cổ phần hóa với Công ty mẹ - Tập đoàn	46
3. Một số nội dung khác trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp	47
VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VINATEX.....	47
1. Điểm mạnh và sự khác biệt của Vinatex.....	47
2. Các vấn đề cần hoàn thiện.....	49
3. Cơ hội	50
4. Thách thức.....	51
PHẦN THỨ HAI: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	52
1. Hình thức cổ phần hóa	52
2. Tên gọi Công ty cổ phần.....	52
3. Ngành nghề kinh doanh	53
4. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	53
5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	54
5.1. Vốn điều lệ.....	54
5.2. Cơ cấu vốn điều lệ	54
5.3. Cổ phần người lao động được mua ưu đãi.....	54
5.4. Cổ phần ưu đãi người lao động được mua thêm theo quy định của pháp luật	55
6. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	55
6.1. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.....	55
6.2. Tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	55
7. Kế hoạch sắp xếp lại lao động và xử lý lao động dôi dư	56
8. Phương thức bán.....	56
9. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần.....	57

10. Phương án đầu tư doanh nghiệp sau cổ phần hóa	59
10.1. Kế hoạch tổ chức và quản trị	59
10.2. Kế hoạch sản phẩm, thị trường, quy hoạch hoạt động.....	60
10.3. Kế hoạch phát triển khoa học công nghệ và nghiên cứu phát triển sản phẩm.	61
10.4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa	62
10.5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn giai đoạn 3 năm sau cổ phần hóa.	62
10.6. Kế hoạch tài chính của Vinatex và các đơn vị TNHH MTV cùng thực hiện cổ phần hóa cùng Công ty mẹ - Tập đoàn	63
10.7. Kế hoạch tài chính của Vinatex	63
10.8. Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt 8-3.....	65
10.9. Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	66
10.10. Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	66
10.11. Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt may Việt Nam.....	67
10.12. Kế hoạch tài chính Xí nghiệp Veston Hải Phòng.....	67
10.13. Kế hoạch tài chính của Trung tâm xử lý nước thải Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối 68	

PHẦN THỨ BA: THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ KẾ HOẠCH KINH

DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN.....

1. Cơ cấu tổ chức Vinatex.....	72
1.1. Mô hình tổ chức.....	72
1.2. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận/ phòng ban	73
2. Chiến lược và các mục tiêu cụ thể của toàn Tập đoàn và Vinatex.....	74
2.1. Chiến lược sản xuất kinh doanh tới 2015.....	74
2.2. Mục tiêu phát triển cụ thể	74
3. Hoạt động của các đơn vị sự nghiệp sau cổ phần hóa	75

II. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG

1. Kế hoạch tuyển dụng lao động.....	76
2. Kế hoạch sử dụng lao động trong 5 năm sau cổ phần hóa.....	77

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT

PHẦN BỐN: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....

PHẦN THỨ NĂM: PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Danh mục các cơ sở nhà đất Tập đoàn quản lý trước và sau cổ phần hóa ...	81
Phụ lục 2: Danh sách người lao động được mua ưu đãi cổ phần	84
Phụ lục 3: Danh sách người lao động đăng ký mua thêm cổ phần và số cổ phần đăng ký mua thêm	85
Phụ lục 4: Danh sách người lao động có tên trong danh sách thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.....	86

Phụ lục 5: Danh sách lao động cần sử dụng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa.....	87
Phụ lục 6: Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa.....	88
Phụ lục 7: Danh sách người lao động không có nhu cầu sử dụng sau khi cổ phần hóa.	90
Phụ lục 8: Kế hoạch giải quyết chế độ cho người lao động trong giai đoạn 5 năm sau cổ phần hóa.....	91
Phụ lục 9: Danh sách các công ty, đơn vị thành viên của Tập đoàn sau cổ phần hóa....	92
Phụ lục 10: Danh sách lao động đặc thù được mua ưu đãi cổ phần	95
Phụ lục 11: Biên bản đại hội công nhân viên chức bất thường	96
Phụ lục 12: Chi tiết chi phí cổ phần hóa	97
Phụ lục 13: Các văn bản pháp lý liên quan về việc cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	98
Phụ lục 14: Tiêu chí đăng ký mua thêm cổ phần.....	99
Phụ lục 15: Kết quả định giá cổ phiếu	100
Phụ lục 16: Báo cáo tài chính.....	101

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Vốn kinh doanh của Vinatex tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.....	19
Bảng 2: Cơ cấu lao động của Tập đoàn năm 2012	26
Bảng 3: Cơ cấu lao động của Tập đoàn theo trình độ năm 2012.....	27
Bảng 4: Báo cáo bậc thợ của công nhân trực tiếp sản xuất toàn Tập đoàn.....	27
Bảng 5: Tổng số lao động của Vinatex năm 2012	28
Bảng 6: Cơ cấu lao động phòng ban chức năng	29
Bảng 7: Cơ cấu lao động của Vinatex theo trình độ năm 2012	30
Bảng 8: Cơ cấu lao động theo trình độ của các công ty TNHH MTV tại thời điểm năm 2012	31
Bảng 9: Năng lực sản xuất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trước cổ phần hóa.....	32
Bảng 10: Sản lượng các mặt hàng của Tập đoàn trước cổ phần hóa	33
Bảng 11: Các khoản đầu tư của Vinatex tại thời điểm 31/12/2011	37
Bảng 12: Kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trước cổ phần hóa	38
Bảng 13: Kết quả sản xuất kinh doanh của Vinatex và 4 công ty TNHH MTV	38
Bảng 14: Kết quả sản xuất kinh doanh của Vinatex giai đoạn 2009-2013	39
Bảng 15: Doanh thu của Vinatex giai đoạn 2009 - 2013.....	40
Bảng 16: Chi phí của Vinatex giai đoạn 2009 - 2013.....	40
Bảng 17: Kết quả kinh doanh của Xí nghiệp Veston Hải Phòng.....	41

Bảng 18: Kết quả kinh doanh của Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt May Phố Nối	41
Bảng 19: Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân.....	42
Bảng 20: Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương.....	42
Bảng 21: Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Thời Trang Dệt may Việt Nam.....	43
Bảng 22: Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	43
Bảng 23: Hiện trạng sử dụng đất của Vinatex và các Công ty TNHH MTV trước cổ phần hóa	44
Bảng 24: Cơ cấu nguồn vốn, tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của Vinatex	45
Bảng 25: Cơ cấu nguồn vốn, tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của các đơn vị phụ thuộc và 4 công ty TNHH MTV	46
Bảng 26: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa	54
Bảng 27- Kế hoạch sắp xếp lại lao động sau cổ phần hóa của Vinatex và các công ty TNHH MTV	56
Bảng 28: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần	58
Bảng 29: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn giai đoạn 3 năm sau cổ phần hóa.....	62
Bảng 30: Kế hoạch tài chính của Vinatex và 4 công ty TNHH MTV	63
Bảng 31: Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2014-2016 của Vinatex	63
Bảng 32: Kế hoạch tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu giai đoạn 2014-2016.....	64
Bảng 33: Kế hoạch doanh thu giai đoạn 2014-2016 của Vinatex.....	64
Bảng 34: Cơ cấu chi phí giai đoạn 2014-2016 của Vinatex	65
Bảng 35: Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt 8 - 3	65
Bảng 36: Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân.....	66
Bảng 37: Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương.....	66
Bảng 38: Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt may Việt Nam.....	67
Bảng 39: Kế hoạch tài chính Xí nghiệp Veston Hải Phòng.....	67
Bảng 40: Kế hoạch tài chính Trung tâm Xử lý nước thải KCN Dệt may Phố Nối.....	68
Bảng 41: Các dự án đầu tư giai đoạn 2013-2016 do Vinatex làm chủ đầu tư	71
Bảng 42- Kế hoạch tuyển dụng lao động giai đoạn 3 năm sau cổ phần hóa của Vinatex và các công ty TNHH MTV	76

Hình 1: Sơ đồ tổ chức Tổng Công ty Dệt - May Việt Nam.....	12
Hình 2: Sơ đồ tổ chức Tập đoàn giai đoạn 2005-2010	13
Hình 3: Sơ đồ tổ chức Tập đoàn giai đoạn từ tháng 6/2010 đến tháng 10/2012	14
Hình 4: Cơ cấu tổ chức của Vinatex thời điểm trước cổ phần hóa.....	19
Hình 5: Tỷ lệ sinh viên tuyển sinh năm 2012 theo Khối đào tạo.....	22
Hình 6: Cơ cấu lao động tại Tập đoàn năm 2012	26
Hình 7: Kim ngạch xuất khẩu của Tập đoàn giai đoạn 2006-2012	33
Hình 8: Các thị trường xuất khẩu của Tập đoàn năm 2012	34
Hình 9: Cơ cấu nguồn vốn của Vinatex tại ngày 31/12/2011	36
Hình 10: Cơ cấu tổ chức Tập đoàn sau Cổ phần hóa.....	72
Hình 11: Cơ cấu tổ chức của Vinatex sau cổ phần hóa	73

TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Nội dung
Tập đoàn	Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Tổ hợp doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con
Vinatex	Trước cổ phần hóa : Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam Sau cổ phần hóa: Tập đoàn Dệt May Việt Nam
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
GTDN	Giá trị doanh nghiệp

CƠ SỞ PHÁP LÝ

Phương án Cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May được xây dựng căn cứ vào:

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2011 hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 36/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10 tháng 03 năm 2008 phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;
- Quyết định 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 06 năm 2010 về việc Chuyển Công ty mẹ- Tập đoàn Dệt May Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.
- Quyết định số 340/QĐ-TTg phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0100100008, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2010;
- Quyết định số 429/ QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12 tháng 04 năm 2012 về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2011-2015 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- Quyết định 5151/ QĐ – BCT ngày 07 tháng 10 năm 2011 về việc cổ phần hóa Công ty Mẹ- Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- Công văn số 5137/BCT-TCCB ngày 09 tháng 06 năm 2011 về cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- Công văn số 5572/VPCP-ĐMDN ngày 15 tháng 08 năm 2011 về việc xin hưởng cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- Công văn số 11813/BTC-TCDN ngày 01 tháng 09 năm 2011 về cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- Công văn số 6524/VPCP-ĐMDN ngày 20 tháng 09 năm 2011 về việc cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam;

- Công văn 6403/QĐ-BCT ngày 07 tháng 12 năm 2011 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- Công văn số 4651/VPCP-ĐMDN ngày 27 tháng 06 năm 2012 về việc cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt – May Việt Nam;
- Công văn số 9791/VPCP-ĐMDN ngày 29 tháng 11 năm 2012 về việc kéo dài thời gian xác định giá trị doanh nghiệp và không định giá các đơn vị sự nghiệp khi cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- Công văn số 3919/BCT-TC ngày 07 tháng 05 năm 2013 về cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- Công văn số 6677/ BTC – TCDN ngày 27 tháng 05 năm 2013 về cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- Công văn số 5062/VPCP-ĐMDN ngày 26 tháng 06 năm 2013 về cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- Quyết định 4373/ QĐ – BCT ngày 28 tháng 06 năm 2013 về việc xác định giá trị Công ty Mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa;
- Quyết định 10132/QĐ-BCT ngày 30/12/2013 sửa đổi Điều 1 và Điều 2 Quyết định 4373/QĐ-BCT ngày 28/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa
- Quyết định số 929/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/07/2012 về việc phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015”;
- Quyết định số 320/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/02/2013 về Quyết định Phê duyệt “Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dệt May Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015”.

PHẦN THỨ NHẤT: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

I. GIỚI THIỆU VỀ TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM (VINATEX)

1. Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Lịch sử hình thành, phát triển và mô hình tổ chức

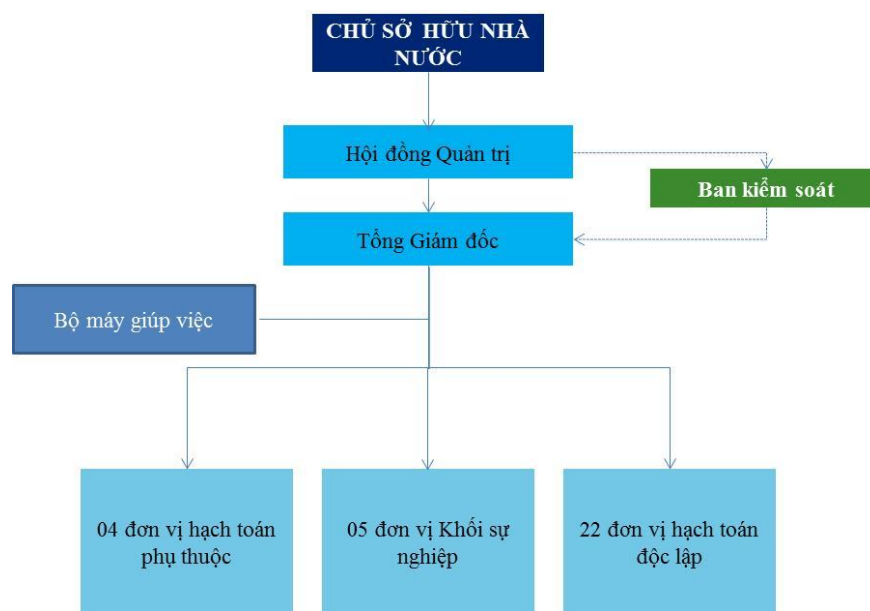
Quá trình hình thành và phát triển của Vinatex gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển ngành dệt may Việt Nam. Vinatex luôn giữ vị trí nòng cốt, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của ngành.

1.1. Giai đoạn trước năm 2005

Năm 1995, Tổng công ty Dệt May Việt Nam tiền thân của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sát nhập các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty Dệt Việt Nam và Liên hiệp sản xuất - xuất nhập khẩu May. Sự ra đời của Tổng công ty Dệt May Việt Nam đánh dấu mốc quan trọng trong việc thực hiện chủ trương của Chính phủ phát triển ngành dệt may Việt Nam theo hướng xây dựng chuỗi cung ứng đầy đủ, tạo lập sức mạnh tổng hợp của ngành, là tiền đề cho tiến trình phát triển của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Các nhiệm vụ chính của Tổng Công ty Dệt May Việt Nam bao gồm: (i) kinh doanh hàng dệt và hàng may mặc theo quy hoạch và kế hoạch phát triển Dệt và May của Nhà nước và theo yêu cầu của thị trường; (ii) nhận và sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn do Nhà nước giao, gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, nhận và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh và những nhiệm vụ khác được giao; (iii) tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân trong Tổng Công ty.

Mô hình tổ chức của Tổng công ty Dệt May Việt Nam bao gồm 22 đơn vị hạch toán độc lập, 04 đơn vị hạch toán phụ thuộc và 05 đơn vị khối sự nghiệp.

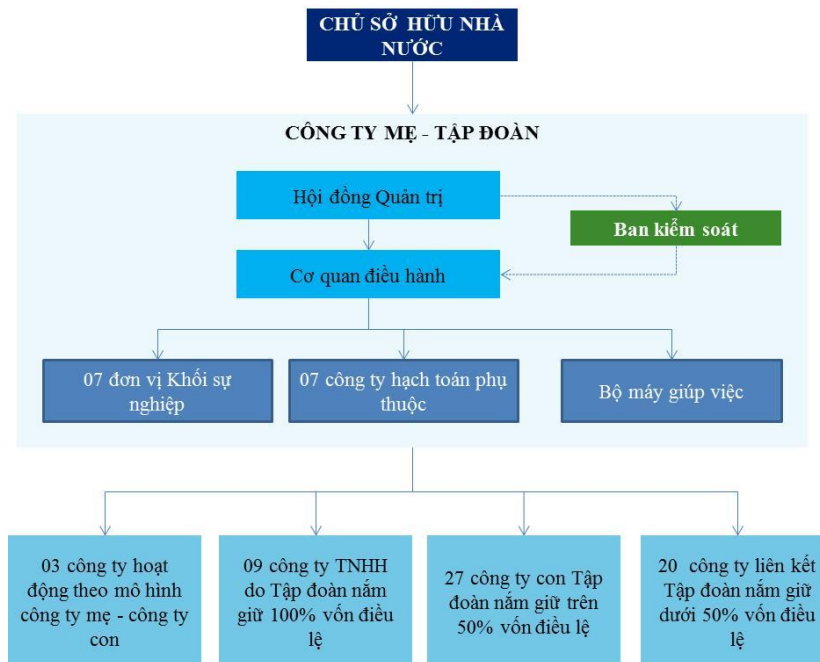


Hình 1: Sơ đồ tổ chức Tổng Công ty Dệt - May Việt Nam

1.2. Giai đoạn 2005 - 2010

Năm 2005, Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Tổng Công ty Dệt May Việt Nam và các đơn vị thành viên đề án thí điểm thành lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 314/2005/QĐ-TTg.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam ra đời và trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh, có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại, kinh doanh đa ngành trong đó ngành kinh doanh chính là công nghiệp dệt may, đầu tư và kinh doanh tài chính. Sự kiện này minh chứng cho cấp độ phát triển mới của ngành dệt may Việt Nam.



Hình 2: Sơ đồ tổ chức Tập đoàn giai đoạn 2005-2010

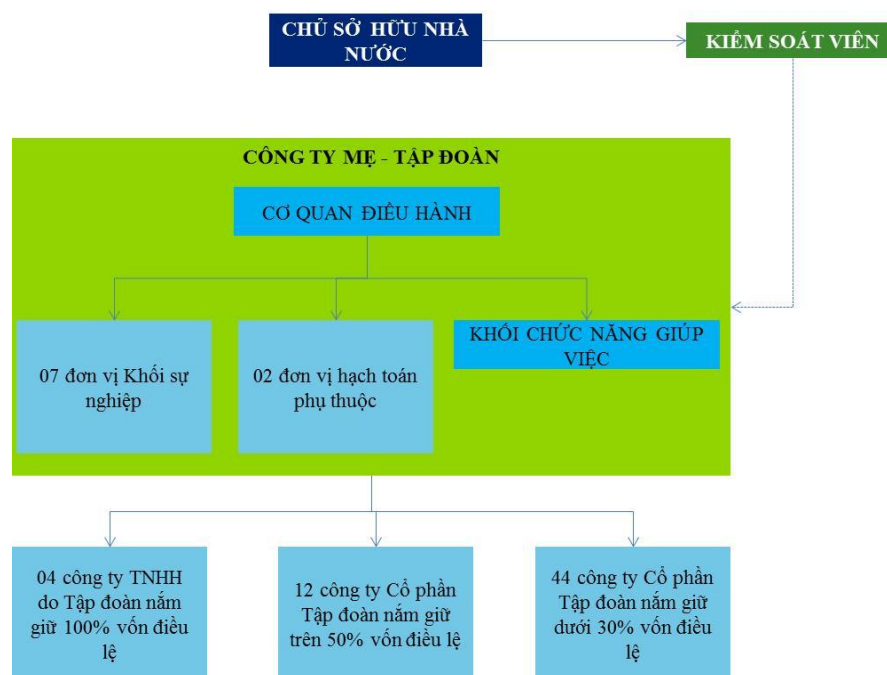
Năm 2005, cùng với việc thành lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam cũng được thành lập theo Quyết định 316/2005/QĐ-TTg ngày 2/12/2005. Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đóng vai trò chủ đạo trong việc kết nối tạo sức mạnh tổng hợp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nói riêng và ngành dệt may Việt Nam nói chung. Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển Tập đoàn dệt may Việt Nam thành tập đoàn có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại, thương hiệu mạnh và thị trường rộng khắp trong và ngoài nước.

1.3. Giai đoạn 2010-2012

Năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 về việc chuyển Công ty mẹ- Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex) thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Ngày 07/3/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 340/QĐ-TTg phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với các mục tiêu hoạt động bao gồm: (i) Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Vinatex và vốn Vinatex đầu tư tại các doanh nghiệp khác; hoàn thành các nhiệm vụ khác do Nhà nước giao; (ii) Tối đa hóa

hiệu quả hoạt động của Tập đoàn; (iii) Phát triển thành tập đoàn kinh tế có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; kinh doanh đa ngành, trong đó dệt may là ngành nghề kinh doanh chính; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo; có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; làm nòng cốt để ngành dệt may Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả.

Trong suốt lịch sử phát triển 18 năm qua, Tập đoàn Dệt may Việt Nam vẫn luôn là doanh nghiệp nòng cốt của ngành dệt may Việt Nam. Hiện tại, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn như sau:



Hình 3: Sơ đồ tổ chức Tập đoàn giai đoạn từ tháng 6/2010 đến tháng 10/2012

Trong đó:

- 07 đơn vị khối viện trường bao gồm:
 - Viện Dệt May
 - Viện Mẫu Thời Trang Việt Nam
 - Viện Nghiên Cứu Bông và Phát Triển Nông Nghiệp Nha Hồ
 - Trung Tâm Y Tế - Bệnh Viện Dệt May
 - Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May và Thời trang Hà Nội

- Trường Cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Vinatex thành phố Hồ Chí Minh
- Trường Cao đẳng nghề Kinh tế-Kỹ thuật Vinatex
- 02 đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:
 - Trung tâm Xử lý nước thải Phố Nối
 - Chi nhánh Tập đoàn – Xí nghiệp Veston Hải Phòng
- Các công ty con bao gồm:
 - 04 công ty TNHH MTV do Tập đoàn nắm 100% vốn điều lệ:
 - Công ty TNHH MTV Dệt 8/3
 - Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân
 - Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt may Việt Nam
 - Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương
 - 12 công ty do Tập đoàn nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ gồm:
 - Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội
 - Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
 - Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
 - Công ty Cổ phần Dệt May Huế
 - Công ty Cổ phần Len Việt Nam
 - Công ty Cổ phần Bông Việt Nam
 - Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
 - Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
 - Công ty Cổ phần Sản Xuất – Xuất Nhập Khẩu Dệt May
 - Công ty Cổ phần hợp tác lao động và Thương mại
 - Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May thành phố Hồ Chí Minh
 - Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Dệt May Phố Nối
- Các công ty liên kết bao gồm 44 công ty.

Tập đoàn đã tạo được chỗ đứng vững chắc tại các thị trường dệt may lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản đồng thời mở rộng quan hệ thương mại với hơn 400 công ty tại 65 nước và khu vực khác nhau với kim ngạch xuất khẩu hàng năm chiếm hơn 20% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may cả nước. Mục tiêu tới năm 2015 Tập đoàn sẽ có sản lượng sợi đạt 231.000 tấn/ năm; sản lượng vải dệt đạt 506 triệu m²; sản lượng may đạt 503 triệu sản phẩm/ năm; và tạo việc làm cho 210.000 lao động.

2. Giới thiệu về Công ty TNHH MTV Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VINATEX) và các đơn vị TNHH MTV cùng thực hiện cổ phần hóa với Vinatex

2.1. Thông tin doanh nghiệp

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV, mã số doanh nghiệp 0100100008, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2010:

Tên Công ty:	Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Tên thương mại:	Vinatex
Tên tiếng Anh:	Vietnam National Textile and Garment Group
Ngày thành lập:	29/04/1995
Thành lập lại:	27/10/2010
Trụ sở chính:	25 phố Bà Triệu và 41 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại:	(84.4) 38257700
Fax:	(84.4) 38262269
Email:	info@vinatex.com.vn
Website:	www.vinatex.com
Logo:	



2.2. Các văn bản thành lập doanh nghiệp

- Quyết định 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 06 năm 2010 về việc Chuyển Công ty mẹ- Tập đoàn Dệt May Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.
- Quyết định số 340/QĐ-TTg phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

2.3. Ngành nghề kinh doanh

2.3.1. Nhiệm vụ chính của Công ty TNHH MTV Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Công ty TNHH MTV Tập đoàn Dệt May Việt Nam đề ra các nhiệm vụ chính sau:

- Đầu tư, sản xuất, cung cấp, phân phối, nhập khẩu xuất khẩu trên lĩnh vực dệt may. Thành lập liên doanh và hợp đồng thương mại với các công ty trong và ngoài nước
- Phát triển và mở rộng thị trường trong và ngoài nước, cũng như thâm nhập các thị trường tiềm năng.
- Nghiên cứu, chỉ đạo và áp dụng công nghệ phát triển mới nhất, cải tiến thiết bị theo chiến lược phát triển.
- Đào tạo và mở các lớp chuyên sâu cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật cũng như đào tạo tay nghề cho công nhân.

2.3.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu, đầu tư: sản phẩm dệt may thời trang, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, hóa chất, thuốc nhuộm, thiết bị phụ tùng ngành dệt may thời trang;
- Đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; đào tạo nghề dệt, sợi, nhuộm, may công nghiệp, nghề cơ khí, bảo trì, tài chính kế toán, tin học, quản lý doanh nghiệp dệt may ...
- Dịch vụ: giám định, kiểm nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm và nguyên phụ liệu dệt may, giống bông, giống cây trồng; đầu tư và kinh doanh: cơ sở

hạ tầng, khu công nghiệp, đô thị, xử lý môi trường, chợ, siêu thị; tư vấn, thiết kế, lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường.

Ngành, nghề kinh doanh có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:

- Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu: kinh doanh, xuất nhập khẩu, sản xuất, gia công, chế biến thực phẩm, nông, lâm, thủy hải sản, hàng tiêu dùng, điện tử, thiết bị văn phòng phẩm;
- Dịch vụ: Dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; dịch vụ đầu tư: thiết kế, thi công, lắp đặt phục vụ ngành công nghiệp, xây dựng dân dụng; dịch vụ tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường, đầu tư; dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện; ủy thác mua bán xăng dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; tư vấn, kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán quyết toán đầu tư xây dựng cơ bản;
- Kinh doanh tài chính: hoạt động trung gian tài chính, đầu tư tài chính, ngân hàng, dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, kinh doanh môi giới chứng khoán, dịch vụ tài chính khác. Làm đại lý thu đổi ngoại tệ cho ngân hàng;
- Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam;
- Các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

2.4. Vốn kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2011*	2011**
1	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	1.121.923	1.101.508
2	Tài sản dài hạn	3.359.334	3.739.004
3	Tổng tài sản	4.481.257	4.840.512
4	Nợ phải trả	476.479	540.916
5	Nguồn vốn chủ sở hữu	4.004.778	4.299.596
6	Tổng nguồn vốn	4.481.257	4.840.512

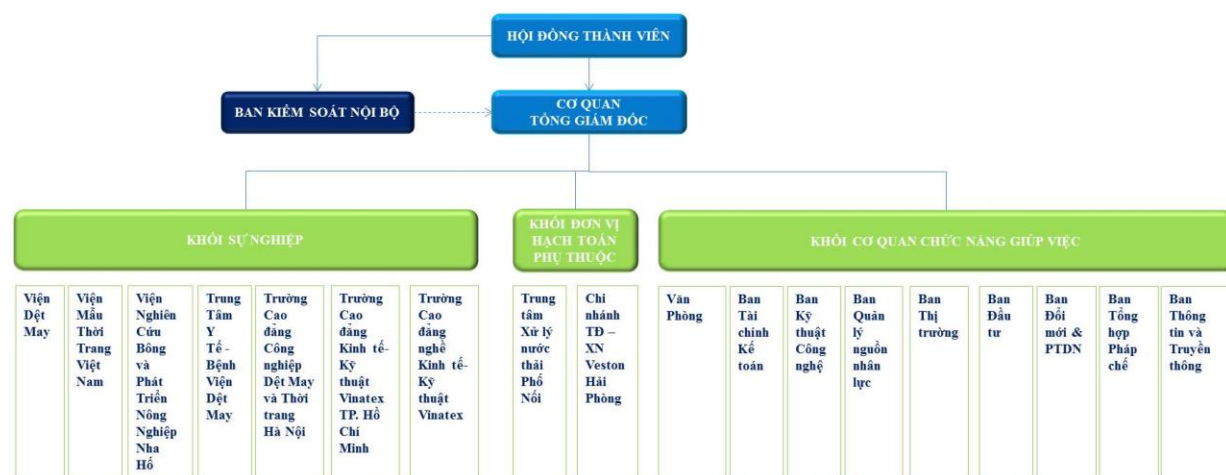
*Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011

** Theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Bảng 1: Vốn kinh doanh của Vinatex tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

2.5. Mô hình tổ chức của Vinatex trước cổ phần hóa

Thực hiện quyết định chuyển đổi Tổng Công ty thành Tập đoàn Dệt May Việt Nam của Thủ tướng chính phủ, từ năm 2010 Công ty chính thức trở thành Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Bộ máy lãnh đạo hiện nay gồm Hội đồng thành viên, Cơ quan Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát nội bộ và các Ban chức năng của Tập đoàn.



Hình 4: Cơ cấu tổ chức của Vinatex thời điểm trước cổ phần hóa

2.6. Vai trò của Vinatex trước cổ phần hóa

Vinatex cùng với các công ty trong Tập đoàn, tạo thành chuỗi cung ứng đầy đủ bao gồm toàn bộ các khâu trong hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối sản phẩm dệt, may.

Với vai trò nòng cốt trong Tập đoàn, Vinatex thực hiện các chức năng sau:

- Là đầu mối hoạch định chiến lược phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của Tập đoàn trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển chung của Tập đoàn tới các doanh nghiệp.
- Đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp dệt may, điều phối liên kết các công ty con, kết nối các mối quan hệ, các liên kết kinh tế trong tổ hợp do công ty mẹ thành lập.
- Tập trung đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nguyên liệu, lĩnh vực thiết kế và phân phối để nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm của toàn hệ thống.
- Phát triển thị trường mới; là nòng cốt của Hiệp hội Dệt May Việt Nam và phối hợp, tham vấn cho các cơ quan nhà nước tiến hành đàm phán các hiệp định thương mại song phương, đa phương giữa Việt nam với các nước trong lĩnh vực dệt may.
- Hỗ trợ các đơn vị thành viên trong tìm kiếm thị trường, quảng bá thương hiệu, tiêu thụ sản phẩm, đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ về khoa học-công nghệ và các quan hệ khác bên ngoài Tập đoàn...
- Chỉ đạo xúc tiến việc chuyển từ liên kết theo kiểu hành chính sang liên kết bằng cơ chế đầu tư tài chính, xác định mối quan hệ giữa Tập đoàn và các doanh nghiệp.
- Xây dựng Quy chế cử người đại diện vốn của Tập đoàn tại các doanh nghiệp.
- Xây dựng và ban hành quy trình bổ nhiệm, tiêu chí đánh giá người đại diện quản lý vốn tại doanh nghiệp theo năm tài chính và theo nhiệm kỳ.
- Tổ chức Hội nghị thường niên người quản lý vốn của Tập đoàn để kiểm điểm kết quả, đánh giá vai trò của người đại diện tại mỗi doanh nghiệp và giao các chỉ tiêu phấn đấu cho người đại diện để đưa ra lấy ý kiến tại đại hội đồng cổ đông thường niên tại doanh nghiệp.

- Quản lý 07 đơn vị khối viện trường có đầy đủ năng lực nghiên cứu công nghệ, thiết kế và đào tạo nguồn nhân lực cho toàn bộ ngành dệt may Việt Nam.

2.7. Hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trước cổ phần hóa

Hiện nay, 07 đơn vị trong Khối sự nghiệp của Tập đoàn bao gồm:

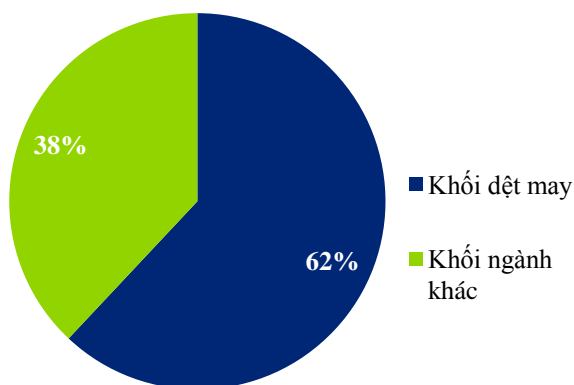
- Viện dệt may: Thực hiện nghiên cứu phát triển, đào tạo nhân lực dành cho ngành dệt may.
- Viện mẫu thời trang Việt Nam: Thực hiện đào tạo, nghiên cứu thiết kế trong lĩnh vực thời trang.
- Viện nghiên cứu bông và phát triển nông nghiệp Nha Hố: Thực hiện công tác nghiên cứu và đào tạo đối với bông, cây nguyên liệu... phục vụ ngành dệt may.
- Trường cao đẳng Công nghiệp Dệt may và Thời trang Hà Nội: Thực hiện nghiên cứu phát triển, đào tạo nhân lực dành cho ngành dệt may.
- Trường cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Vinatex: Thực hiện nghiên cứu phát triển, đào tạo nhân lực dành cho ngành dệt may.
- Trường cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Vinatex tại Thành phố Hồ Chí Minh: Thực hiện nghiên cứu phát triển, đào tạo nhân lực dành cho ngành dệt may.
- Trung tâm y tế dệt may: Thực hiện công tác khám chữa bệnh dành cho nhân viên trong ngành dệt may, khám phát hiện và điều trị bệnh nghề nghiệp và các bệnh liên quan do nghề nghiệp gây ra.

Các trường đào tạo đóng vai trò quan trọng đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực về kỹ thuật, quản lý cho các đơn vị, các dự án của Tập đoàn và toàn ngành dệt may Việt Nam. Bên cạnh đó, các Viện, Trung tâm nghiên cứu tham mưu cho lãnh đạo Tập đoàn trong việc chỉ đạo nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, đặc biệt là lĩnh vực thiết kế thời trang vào hoạt động sản xuất của các đơn vị thành viên và các dự án đầu tư của Tập đoàn.

2.7.1. Công tác đào tạo giảng dạy tại các đơn vị sự nghiệp

Trung bình hàng năm các trường cao đẳng thực hiện tuyển sinh khoảng 10.000 sinh viên đối với tất cả các hệ đào tạo.

Năm 2012, các trường đã tuyển sinh được 9.983 sinh viên, đạt 85% chỉ tiêu được giao, tăng 131% so với năm học trước, trong đó tuyển sinh các khối ngành Dệt, may tăng mạnh, bằng 160% năm học trước.



Hình 5: Tỷ lệ sinh viên tuyển sinh năm 2012 theo Khối đào tạo

Tỷ lệ tuyển sinh so với chỉ tiêu đặt ra của các hệ đào tạo Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề tương ứng là 97%, 61%, 80%, 83%.

Là một trong những đơn vị tổ chức tốt nhất chương trình đào tạo nghề cho nông thôn theo định hướng của Chính phủ, thông qua các trường giảng dạy, Tập đoàn đã thực hiện đào tạo cho 13.000 lao động nông thôn trong vòng 03 tháng, bao gồm cả công tác thực hành nghề tại doanh nghiệp.

Với thế mạnh là đơn vị sự nghiệp nằm trong Tập đoàn Dệt May, hoạt động đào tạo tại các trường luôn được gắn liền với hoạt động thực hành tại doanh nghiệp; 98% học viên khi ra trường đều được nhận và làm việc tại các đơn vị thuộc Tập đoàn.

Không chỉ có các trường chuyên nghiệp, các viện thuộc Khối sự nghiệp của Tập đoàn cũng tham gia vào công tác giảng dạy chuyên sâu dành cho kỹ sư, cử nhân trong ngành dệt may. Ví dụ như Viện nghiên cứu Bông và phát triển nông nghiệp Nha Hồ đã được cho phép đào tạo hệ thạc sĩ, bên cạnh đó, Viện Dệt May đã phối hợp với Đại học Bách khoa Hà Nội để cùng đào tạo cấp bằng thạc sĩ dành cho ngành dệt may...

Các đơn vị sự nghiệp của Tập đoàn thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp. Không những hỗ trợ nâng cao kiến thức, kỹ thuật, tay nghề đối với đơn vị thành viên Tập đoàn mà các trường, Viện còn tham gia đào tạo phát triển nguồn nhân lực chung cho ngành dệt may của cả nước theo đúng định hướng của Chính phủ.

2.7.2. Công tác nghiên cứu

Nhằm đảm bảo yêu cầu nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, áp dụng các giải pháp mới, công nghệ kỹ thuật tiên tiến trong ngành dệt may, công tác nghiên cứu khoa học luôn là hoạt động thường xuyên tại các trường, viện và trung tâm trong Tập đoàn. Theo định hướng của toàn ngành, hoạt động nghiên cứu tập trung tìm kiếm và nghiên cứu áp dụng công nghệ mới, nguyên liệu mới để tạo ra các sản phẩm khác biệt, triển khai tiến bộ kỹ thuật, triển khai các chương trình sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng... Đây là nhiệm vụ quan trọng và được sự quan tâm của các lãnh đạo, cán bộ nhân viên của đơn vị sự nghiệp cũng như là của các lãnh đạo Tập đoàn.

2.7.3. Công tác quản lý tài chính

Hoạt động tài chính kế toán của các đơn vị khối sự nghiệp được theo dõi và hạch toán theo quy định của Nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp. Hàng năm, Tập đoàn vẫn tiến hành theo dõi và kiểm tra định kỳ về việc cấp kinh phí hàng năm theo quy định tại thông tư 32/2010/TT-BTC của Bộ tài chính về hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện “Chương trình đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam”. Ngoài nguồn kinh phí do Ngân sách cấp, Tập đoàn và các đơn vị tự bổ sung nguồn nhằm đảm bảo công tác giảng dạy, đào tạo chất lượng và liên tục.

3. Giới thiệu về các công ty TNHH MTV

3.1. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân
- Trụ sở: số 524 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100583, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18/04/2011.
- Các hoạt động chính: Đầu tư, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu sản phẩm nguyên phụ liệu hàng may mặc; kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phụ tùng, hóa chất phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty...
- Năng lực:
 - Năng lực dệt kim: 2.180 tấn/ năm.
 - Năng lực nhuộm & xử lý hoàn tất: 1.800 tấn/ năm.
 - Năng lực may: 11.000.000 sản phẩm/ năm.

3.2. Công ty TNHH MTV Dệt 8/3

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Dệt 8/3
- Trụ sở: số 460 Minh Khai - phường Vĩnh Tuy - quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100086, đăng ký lần đầu ngày 23/12/2005, đăng lý thay đổi lần thứ 2 ngày 31/12/2011
- Một số hoạt động chính: sản xuất sợi, sản xuất vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt, sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác, sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất thảm, chăn đệm, sản xuất các loại dây bện và lưới, may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú), sản xuất trang phục dệt kim, đan móc...
- Năng lực:
 - Số cọc sợi: 19.824
 - Năng lực dệt thoi: 8.073.000 m²/ năm
 - Năng lực nhuộm và xử lý hoàn tất: 33.600.000 m²/ năm

3.3. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương
- Trụ sở: 21 Thoại Ngọc Hầu, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446158, đăng ký lần đầu ngày 16/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/06/2011.
- Một số hoạt động chính: Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại vải dệt kim, màn các loại và sản phẩm dệt may, thời trang; thiết bị phụ tùng, vật tư, nguyên liệu, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm ngành may....
- Năng lực sản xuất:
 - Số cọc sợi: 6.600
 - Năng lực dệt kim: 583 tấn/ năm
 - Năng lực nhuộm và xử lý hoàn tất: 2.400 tấn/ năm

3.4. Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt may Việt Nam

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam
- Trụ sở: số 02 Hoàng Việt, phường 04, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309959793, đăng ký lần đầu ngày 06/05/2010, đăng lý thay đổi lần thứ 7 ngày 23/04/2013
- Một số hoạt động chính: Kinh doanh các mặt hàng dệt may thời trang; siêu thị: kinh doanh hàng thực phẩm công nghệ, thực phẩm tươi sống, hóa mỹ phẩm, hàng gia dụng, quà ưu niệm, đồ chơi trẻ em...
- Công ty đã phát triển 82 siêu thị trên 26 tỉnh thành trong nước. Hiện nay, công ty đang kinh doanh 60.000 mặt hàng do trên 1.000 nhà cung ứng.

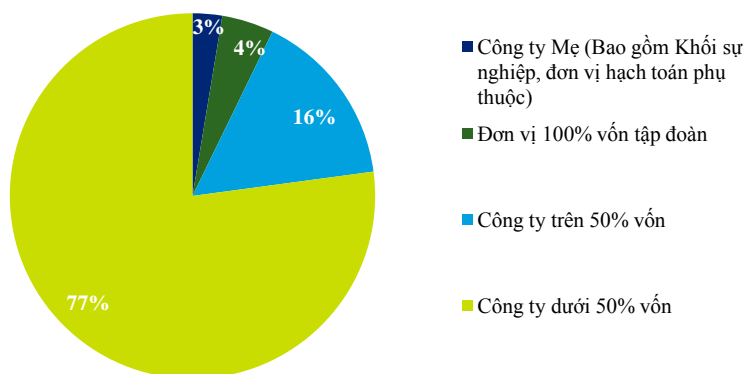
II. HIỆN TRẠNG LAO ĐỘNG TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Thực trạng lao động toàn Tập đoàn

1.1. Số lượng lao động

Năm 2012, tổng số lao động bình quân tại Tập đoàn là 97.588 lao động, trong đó:

- Công ty Mẹ (bao gồm Khối sự nghiệp và đơn vị hạch toán phụ thuộc): 2.257 lao động
- Công ty con (100% vốn của Tập đoàn): 4.485 lao động
- Công ty con (Tập đoàn nắm giữ vốn chi phối): 15.276 lao động
- Công ty Tập đoàn nắm giữ vốn dưới 50%: 75.270 lao động



Hình 6: Cơ cấu lao động tại Tập đoàn năm 2012

Tập đoàn Dệt May Việt Nam là đơn vị đi đầu trong ngành dệt may Việt Nam trong việc thực hiện mục tiêu giải quyết việc làm, an sinh xã hội đã đặt ra đối với ngành dệt may. Những năm gần đây, số lượng lao động tại Tập đoàn tương đối ổn định. Lực lượng lao động của Tập đoàn có sự chuyển dịch tích cực theo hướng từ thành phố về nông thôn phù hợp với sự chuyển dịch của cơ sở sản xuất nhằm thu hút lao động tại địa phương theo định hướng chung của ngành.

STT		Người	Tỷ lệ
Tổng số lao động		97.588	100%
Cơ cấu lao động theo giới tính			
1	Lao động Nam	26.334	27%
2	Lao động Nữ	71.254	73%
Cơ cấu lao động theo tính chất công việc			
1	Lao động quản lý	4.947	5%
2	Lao động chuyên môn	11.016	11%
3	Lao động trực tiếp	81.626	84%
Cơ cấu lao động theo lứa tuổi			
1	Dưới 25 tuổi	41.771	43%
2	26-35 tuổi	37.097	35%
3	36-45 tuổi	14.058	14%
4	Trên 46 tuổi	7.661	8%

Bảng 2: Cơ cấu lao động của Tập đoàn năm 2012

1.2. Chất lượng lao động

Chất lượng lao động luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu của Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Đội ngũ lao động tại Vinatex được đào tạo phù hợp với từng trình độ và nhu cầu của các đơn vị sản xuất kinh doanh, bao gồm: đào tạo nghề cơ bản dành cho công nhân sơ cấp, trung cấp; đào tạo chuyên sâu cho hệ kỹ sư, cử nhân; đào tạo cập nhật kiến thức ngành nghề dành cho các cán bộ văn phòng; đào tạo kỹ năng dành cho cán bộ nguồn, cán bộ quản lý cấp cao (như chương trình MBA thực hành, chương trình hợp tác đào tạo Việt Nam-Nhật Bản...).

STT	Trình độ	Người	Tỷ lệ
1	Tiến sỹ trở lên	49	0,05%
2	Thạc sỹ	249	0,26%
3	Đại học	6.360	6,52%
4	Cao đẳng	6.134	6,29%
5	Trung cấp, dạy nghề chính quy	13.199	13,53%
6	Dạy nghề ngắn hạn	55.349	56,72%
7	Chưa qua đào tạo	16.248	16,65%
Tổng số		97.588	100%

Bảng 3: Cơ cấu lao động của Tập đoàn theo trình độ năm 2012

Nhằm đạt được yêu cầu chất lượng sản phẩm đặt ra, công ty trong Tập đoàn đã tổ chức đào tạo hàng năm trung bình 30% số lượng lao động trực tiếp để nâng cao tay nghề và thi sát hạch lên bậc. Số lượng công nhân trực tiếp sản xuất theo bậc trong năm 2012 của tập đoàn như sau:

STT	Loại công nhân sản xuất	Bậc thợ			Tổng số
		Bậc 1, 2	Bậc 3,4	> Bậc 5	
1	Công nhân công nghệ (Sợi, nhuộm, dệt, hoàn tất, may)	43.052	17.947	10.436	71.435
2	Công nhân cơ điện, động lực	802	905	1.012	2.719
3	Công nhân ngành khác	1.845	1.680	1.221	4.746
4	Lao động phổ thông	1.572	606	548	2.726
Tổng số		47.271	21.138	13.217	81.626

Bảng 4: Báo cáo bậc thợ của công nhân trực tiếp sản xuất toàn Tập đoàn

Vinatex có một đội ngũ lao động giàu kinh nghiệm, 56,7% lực lượng lao động có thời gian kinh nghiệm trong ngành từ 6 năm trở lên. Đội ngũ cán bộ

quản lý có kinh nghiệm lâu năm trong ngành, đặc biệt là các lãnh đạo cao cấp tại văn phòng Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Đây là một trong những thế mạnh của Vinatex trong quá trình hoàn thành định hướng và chiến lược kinh doanh đã đặt ra.

Tỷ lệ biến động nhân sự của Tập đoàn ở mức thấp dưới 10%, trong đó năm 2011-2012 tỷ lệ biến động chỉ ở mức 2-3% và theo định hướng chuyển dịch cơ cấu đơn vị sản xuất từ thành phố về nông thôn phù hợp với chiến lược kinh doanh dài hạn do Chính phủ đặt ra đối với ngành dệt may Việt Nam.

2. Thực trạng lao động của Vinatex và các đơn vị phụ thuộc

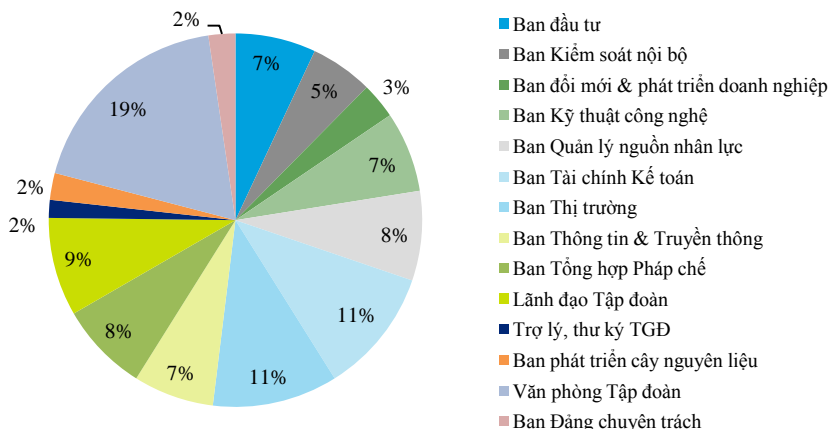
2.1. Số lượng lao động

Lao động tại Vinatex bao gồm nhân sự tại các phòng ban chức năng thuộc văn phòng công ty mẹ, các đơn vị trong khối sự nghiệp và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Tại thời điểm hiện tại, số lượng lao động đáp ứng yêu cầu thực hiện được các chức năng, nhiệm vụ chính của Vinatex.

STT		Số lượng	
		Người	Tỷ lệ
Tổng số lao động		2.554	100%
1	Ban chức năng	129	5%
2	Đơn vị sự nghiệp	1.567	61,4%
3	Đơn vị hạch toán phụ thuộc	858	33,6%

Bảng 5: Tổng số lao động của Vinatex năm 2012

Lao động tại phòng ban chức năng:



Bảng 6: Cơ cấu lao động phòng ban chức năng

Đơn vị hạch toán phụ thuộc

Đội ngũ lao động tại đơn vị phụ thuộc được bố trí, sắp xếp theo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Cơ cấu lao động tại đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm lực lượng lao động gián tiếp và lao động trực tiếp sản xuất.

Đơn vị thuộc Khối sự nghiệp

Khối sự nghiệp thuộc Vinatex bao gồm 07 đơn vị Viện, trường và 01 đơn vị y tế với 1.567 cán bộ nhân viên trong năm 2012. Số lượng lao động trong từng đơn vị được phân bổ phù hợp với quy mô và tính chất hoạt động riêng.

2.2. Chất lượng lao động

Đa số lao động làm việc tại Vinatex, các đơn vị sự nghiệp và các vị trí quản lý đơn vị phụ thuộc đều có trình độ từ đại học trở lên.

Hoạt động đào tạo đối với đội ngũ lao động ban chức năng, đơn vị sự nghiệp được tổ chức định kỳ nhằm nâng cao kiến thức ngành, cập nhật công nghệ kỹ thuật tiên tiến và các kỹ năng trong công việc. Ngoài ra, văn phòng Vinatex tổ chức các chương trình luân chuyển cán bộ thông qua việc đưa cán bộ văn phòng đi làm việc trực tiếp tại các đơn vị thành viên trong một thời gian nhất định. Điều này giúp tăng cường sự hiểu biết của cán bộ nhân viên tại Vinatex với hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Tập đoàn. Đây cũng là cơ sở để nâng cao chất lượng nhân sự và hiệu quả làm việc của cán bộ nhân viên.

STT	Trình độ	Số lượng	
		Người	Tỷ lệ
	Tổng số lao động	2.554	100%
1	<i>Tiến sĩ trở lên</i>	48	1,9%
	Ban chức năng	1	
	Khối các đơn vị sự nghiệp	47	
2	<i>Thạc sĩ</i>	277	10,8%
	Ban chức năng	25	
	Khối các đơn vị sự nghiệp	251	
	Đơn vị hạch toán phụ thuộc	1	
3	<i>Đại học</i>	952	37,3%
	Ban chức năng	84	
	Khối các đơn vị sự nghiệp	860	
	Đơn vị hạch toán phụ thuộc	8	
4	<i>Cao đẳng</i>	68	2,7%
	Ban chức năng	5	
	Khối các đơn vị sự nghiệp	48	
	Đơn vị hạch toán phụ thuộc	14	
5	<i>Trung cấp & tương đương</i>	84	3,3%
	Ban chức năng	1	
	Khối các đơn vị sự nghiệp	79	
	Đơn vị hạch toán phụ thuộc	5	
6	<i>Khác</i>	1.125	44,0%

Bảng 7: Cơ cấu lao động của Vinatex theo trình độ năm 2012

Lao động tại văn phòng Vinatex được sắp xếp và bố trí dựa trên chiến lược hoạt động và yêu cầu chức năng nhiệm vụ của công ty mẹ nói chung và từng phòng ban nói riêng.

Ban chức năng - Văn phòng Công ty mẹ:

Đội ngũ lao động tại văn phòng Vinatex hầu hết đều là lao động có kinh nghiệm với thời gian làm việc tại Công ty lâu dài (trung bình 6 năm). Số lượng lao động có thời gian làm việc dưới 1 năm tại văn phòng Công ty mẹ chỉ chiếm khoảng 12%.

Đơn vị sự nghiệp – Khối sự nghiệp

Đội ngũ cán bộ nhân viên thuộc các đơn vị sự nghiệp được lựa chọn có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp với vai trò đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu nâng cao chất lượng ngành dệt may. Gần 20% đội ngũ nhân sự thuộc Khối

sự nghiệp có trình độ từ Thạc sĩ trở lên (trong đó có 09 Phó Giáo sư và Giáo sư). Chất lượng nhân sự cao chính là sức mạnh của Tập đoàn, giúp Tập đoàn luôn đi đầu trong công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và đào tạo chuyên ngành.

Đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tỷ lệ lao động trực tiếp tại các đơn vị phụ thuộc chiếm hơn 80%. Đội ngũ lao động tại đơn vị phụ thuộc có tỷ lệ lao động làm việc dưới 01 năm chiếm 30%, hầu hết là các công nhân sản xuất trực tiếp. Điều này cũng phù hợp với tính chất công việc theo mùa vụ của ngành dệt may. Tuy nhiên, tỷ lệ này đòi hỏi các đơn vị sản xuất cần kế hoạch đào tạo, nâng cao kỹ năng tay nghề đối với đội ngũ công nhân mới nhằm đảm bảo yêu cầu chất lượng sản phẩm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Thực trạng lao động tại 4 công ty TNHH MTV

3.1. Số lượng lao động

Năm 2012, tổng số lao động tại 04 công ty TNHH MTV là 4.485 lao động, trong đó tỷ lệ lao động nữ là 63%.

- Công ty TNHH MTV Dệt 8/3: 298 lao động
- Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông xuân: 960 lao động
- Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông phương: 242 lao động
- Công ty TNHH MTV Thương mại TTDMVN: 2.985 lao động

3.2. Chất lượng lao động

Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn tại các Công ty TNHH MTV như sau:

STT	Trình độ	Số lượng	
		Người	Tỷ lệ
Tổng số lao động		4.485	100%
1	Thạc sĩ	8	0,2%
2	Đại học	378	8,4%
3	Cao đẳng	236	5,3%
4	Trung cấp & dạy nghề	3.316	73,9%
5	Khác	548	12,2%

Bảng 8: Cơ cấu lao động theo trình độ của các công ty TNHH MTV tại thời điểm năm 2012

87,8% số cán bộ công nhân viên tại các đơn vị đều được đào tạo chuyên môn phù hợp và đào tạo nghề cơ bản với kiến thức, kỹ năng cần thiết theo yêu cầu công việc. Tại Công ty TNHH MTV Dệt 8/3, gần 96% đội ngũ lao động đã được đào tạo qua các trường lớp chuyên môn và khóa dạy nghề nhằm đảm bảo năng lực thực hiện vai trò, nhiệm vụ được giao.

53,8% đội ngũ lao động có kinh nghiệm trong ngành từ 06 năm trở lên, cao hơn so với mức bình quân trong Tập đoàn. Các công ty đều sở hữu những cá nhân nhiều kinh nghiệm thực tế sản xuất kinh doanh trong ngành với những đóng góp giá trị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

III. NĂNG LỰC SẢN XUẤT VÀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Năng lực sản xuất và sản lượng

Tập đoàn Dệt May Việt Nam là một tập đoàn kinh tế mạnh, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại. Tập đoàn hiện đã xây dựng được chuỗi cung ứng đầy đủ Sợi – Dệt – Nhuộm hoàn tất – May.

Năng lực sản xuất và sản lượng thực tế của các đơn vị trong Tập đoàn theo nhóm ngành trước thời điểm cổ phần hóa được thể hiện trong bảng sau:

Ngành	2011		2012	
	Số cọc – số máy	Năng lực sản xuất	Số cọc – số máy	Năng lực sản xuất
Ngành sợi	788.452 cọc sợi	107.707 tấn sợi	876.784 cọc sợi	133.395 tấn sợi
Ngành Dệt thoi	2.067 máy	190 triệu m ² vải mộc	2.067 máy	206 triệu m ² vải mộc
Ngành Dệt kim	308 máy	9463 tấn	308 máy	9.289 tấn
Ngành Nhuộm – hoàn tất vải Dệt thoi	91 máy	70 triệu mét	91 máy	70 triệu mét
Ngành Nhuộm – hoàn tất vải Dệt kim	169 máy	10.353 tấn	169 máy	10.400 tấn
Ngành Nhuộm – hoàn tất Sản phẩm Khăn	33 máy	7.215 tấn	33 máy	7.200 tấn
Ngành May		245 triệu sản phẩm		330 triệu sản phẩm

Bảng 9: Năng lực sản xuất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trước cổ phần hóa

STT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Thực hiện hàng năm				
			2009	2010	2011	2012	2013*
1	Sợi toàn bộ	1.000 tấn	93,8	98,5	100,5	100,6	111,8
	<i>Tỷ lệ tăng trưởng</i>	%		5,0%	2,0%	0,1%	11,1%
2	Vải các loại	Triệu m2	140,8	147,8	155,2	165,9	161,4
	<i>Tỷ lệ tăng trưởng</i>	%		5,0%	5,0%	6,9%	-2,7%
3	Sản phẩm may các loại	Triệu sản phẩm	143,5	157,8	173,6	186,9	210,0
	<i>Tỷ lệ tăng trưởng</i>	%		10,0%	10,0%	7,7%	12,4%

*Ước thực hiện

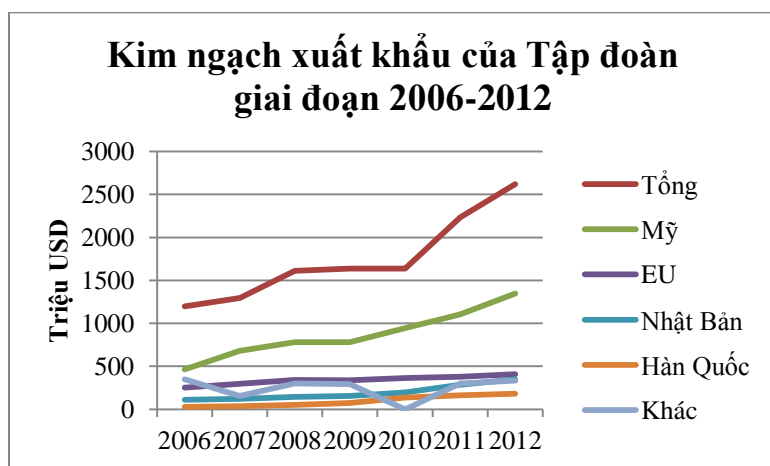
Bảng 10: Sản lượng các mặt hàng của Tập đoàn trước cổ phần hóa

2. Thị trường

2.1. Thị trường quốc tế

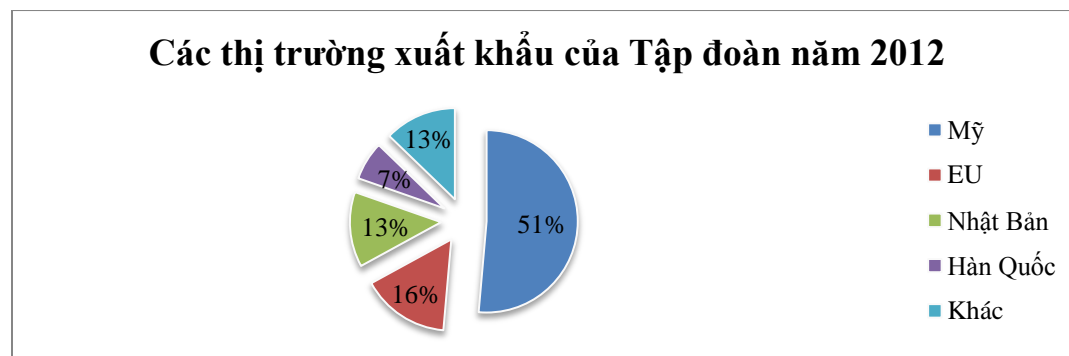
Trong những năm qua, Tập đoàn đã luôn chú trọng và đầu tư thích đáng cho các hoạt động phát triển thị trường quốc tế và mở rộng thị phần trong nước.

Hiện tại, Tập đoàn đã tạo dựng được vị thế và thương hiệu vững chắc tại các thị trường dệt may lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc. Thị phần trong nước cũng không ngừng tăng trưởng trong những năm qua.



Hình 7: Kim ngạch xuất khẩu của Tập đoàn giai đoạn 2006-2012

Kim ngạch xuất khẩu của Tập đoàn vào các thị trường chính đều có xu hướng tăng. Trong đó, các thị trường có sự tăng trưởng rõ rệt là Mỹ, Hàn Quốc và Nhật Bản.



Hình 8: Các thị trường xuất khẩu của Tập đoàn năm 2012

- ❖ Mỹ hiện là thị trường xuất khẩu lớn nhất chiếm gần 50% giá trị xuất khẩu của Tập đoàn với kim ngạch xuất khẩu năm 2012 đạt mức 1.347 triệu đô la Mỹ. Riêng trong 6 tháng đầu năm 2013, kim ngạch xuất khẩu của Tập đoàn vào thị trường này đã đạt 715 triệu đô la Mỹ, tăng 12% so với cùng kỳ năm ngoái.
Trong những năm gần đây, xuất khẩu dệt may của Việt Nam vẫn giữ vững mức tăng trưởng từ 8%-10%, cực kỳ ấn tượng so với các nước xuất khẩu dệt may chính khác. Cụ thể: Năm 2012, xuất khẩu dệt may vào thị trường Mỹ của Việt Nam tăng 8,9% trong khi Trung Quốc chỉ tăng 1,2%; nhập khẩu dệt may của Mỹ từ các thị trường chính đều giảm như Ấn Độ (giảm 1,8%), Indonesia (giảm 0,1%), Mexico (giảm 0,6%).
- ❖ Châu Âu là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 chiếm gần 16% tổng giá trị xuất khẩu của Tập đoàn. Hàng dệt may của Việt Nam có vị trí tốt tại thị trường EU dù nền kinh tế tại thị trường này vẫn bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng nợ công còn kéo dài.
- ❖ Nhật Bản là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 chiếm gần 14 % tổng giá trị xuất khẩu của Tập đoàn. Xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang Nhật Bản những tháng đầu năm 2013 đạt mức tăng trưởng cực kỳ ấn tượng. Giá trị xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản của Tập đoàn giữ vững ở mức 21% - 22% trong những năm gần đây; riêng 6 tháng đầu năm 2013 giá trị

xuất khẩu đã đạt mức 198 triệu đô la Mỹ, tăng gần 21% so với cùng kỳ năm 2012.

- ❖ Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ 4 chiếm khoảng 7,5 % tổng giá trị xuất khẩu của Tập đoàn. Việt nam là một trong ba nhà cung cấp hàng may mặc lớn nhất vào thị trường Hàn Quốc. Trong giai đoạn 2006-2012, xuất khẩu vào thị trường Hàn Quốc của Tập đoàn có sự tăng trưởng mạnh mẽ và ấn tượng, tăng từ 27 triệu đô la Mỹ trong năm 2006 tới 180 triệu đô la Mỹ trong năm 2012.
- ❖ Bên cạnh các thị trường truyền thống, Tập đoàn cũng đang phát triển các thị trường mới nổi khác như Trung Đông, Nga...để hạn chế sự phụ thuộc vào các thị trường chính. Giá trị xuất khẩu vào các thị trường này chiếm khoảng 13% tổng kim ngạch xuất khẩu của Tập đoàn.

2.2. Thị trường nội địa

Tập đoàn Dệt May Việt Nam hiện đang hướng tới mục tiêu chiếm lĩnh thị trường nội địa với tỷ lệ tăng trưởng bình quân 15-20% và tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm đạt 60% vào năm 2015.

Trong những năm qua, các doanh nghiệp thành viên của Vinatex đã nỗ lực đầu tư sản xuất, chú trọng đổi mới mẫu mã sản phẩm, củng cố và phát triển thương hiệu, mở rộng kênh phân phối để chiếm lĩnh thị phần tại thị trường trong nước.

Một trong những thành công đáng kể của Tập đoàn phải kể đến hệ thống siêu thị Vinatexmart với quy mô 82 siêu thị tại 26 tỉnh, thành phố trên cả nước. Hệ thống Vinatexmart chính là thương hiệu và lợi thế to lớn của Tập đoàn và là nhân tố quan trọng đảm bảo sự thành công của Tập đoàn trong việc chiếm lĩnh thị trường nội địa. Bên cạnh đó, các đơn vị thành viên của Vinatex cũng tích cực mở rộng hệ thống cửa hàng giới thiệu sản phẩm, đại lý về khắp các tỉnh, thành phố và các siêu thị mini tại công ty để giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm. Kênh phân phối này đã góp phần đưa hàng dệt may chất lượng tốt, giá cả hợp lý đến người tiêu dùng. Tổng số điểm bán hàng của các doanh nghiệp trong Tập đoàn đến thời điểm hiện tại đạt 4.200 điểm, trong đó hệ thống cửa hàng/đại lý chính của công ty vẫn là kênh phân phối chính.

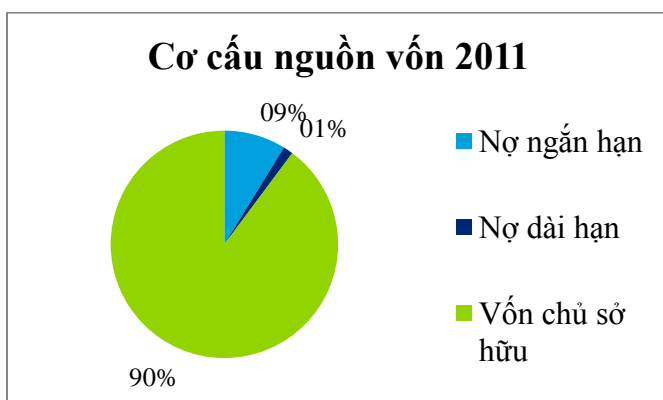
Tập đoàn sở hữu các thương hiệu nổi tiếng đã được nhiều người tiêu dùng nội địa yêu thích và tin dùng như:

- Tổng Công ty Việt Tiến: Viettien, Viettien Smart Casual, SanSciario, Manhattan, TT-Up, Vee Sendy...
- Tổng Công ty Phong Phú: Phong Phu Jean, Khăn Molis,...
- Tổng Công ty Việt Thắng: Three Cammel, Brilliant, FC, Burtley, ...
- May Phương Đông: F- House, Authentic ...
- May Bình Minh: Gendai, ...
- Tổng Công ty Nhà Bè: Novelty, Mattana, NBU, ...
- Đức Giang: New Era, Forever Young, Dugarco Fashion, ...
- May 10: Pharaon, Bigman, Chabray, Freeland, Cleopatre, PrettyWoman, Jackhot, MM Teen, Gruz

3. Cơ cấu nguồn vốn và hoạt động đầu tư của Vinatex

Cơ cấu vốn của Vinatex rất lành mạnh và vững chắc. Vốn chủ sở hữu chiếm tới 90% trong tổng nguồn vốn.

Vốn chủ sở hữu của Vinatex được sử dụng để đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, liên doanh cũng như các khoản đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư hiện đang chiếm 84,6% vốn điều lệ phù hợp với chiến lược phát triển Vinatex theo mô hình công ty mẹ chuyên đầu tư với vai trò định hướng, quản lý và chi phối các công ty con thông qua vốn; đồng thời giữ được vai trò chủ đạo trong việc điều phối, kết nối các mối quan hệ kinh tế trong tổ hợp các công ty của Tập đoàn cũng như tập trung vào các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại và phát triển thị trường.



Hình 9: Cơ cấu nguồn vốn của Vinatex tại ngày 31/12/2011

Danh mục đầu tư tại thời điểm 31/12/2011 của Vinatex bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công liên kết, liên doanh, đầu tư dài hạn. Cụ thể như sau:

<i>Đơn vị tính: Triệu đồng</i>		
STT	Khoản đầu tư	Giá trị sổ sách
1	Đầu tư ngắn hạn	36.000
2	Đầu tư vào công ty con	1.702.301
3	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	598.742
4	Đầu tư dài hạn khác	632.202
	TỔNG CỘNG	2.969.245

Bảng 11: Các khoản đầu tư của Vinatex tại thời điểm 31/12/2011

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, hiện tại Vinatex đang thực hiện đầu tư vào lĩnh vực ngân hàng (31%), chứng khoán (4%), quỹ đầu tư (2%) và các khoản đầu tư dài hạn khác (63%). Hiện nay Hội đồng thành viên Tập đoàn đã có lộ trình để thoái vốn đầu tư trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn.

IV. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn

Doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn có sự tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2009-2013. Kim ngạch xuất khẩu của Tập đoàn tăng 50% trong giai đoạn 2009-2013 từ 1.335 triệu USD lên 2.011 triệu USD.

Các kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Tập đoàn được trình bày chi tiết trong bảng dưới đây:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2009	2010	2011	2012	2013*
1	Doanh thu (không VAT)	Tỷ đồng	24.278	29.719	34.276	36.662	40.646
2	Kim ngạch xuất khẩu (Tính đủ)	Triệu USD	1.335	1.469	1.615	1.839	2.011
3	Kim ngạch nhập khẩu (Tính đủ)	Triệu USD	788	867	953	1.094	1.114
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	768	976	1.434	1.612	1.760

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2009	2010	2011	2012	2013*
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng		820	1.045	893	1.004
6	Vốn đầu tư của Tập đoàn tại các đơn vị	Tỷ đồng	2.250	2.608	3.340	3.368	3.290
7	Tỷ lệ cổ tức thu được/ Vốn đầu tư tại các đơn vị	%	7,7%	9,0%	6,9%	7,7%	10,2%
8	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu đồng	2.870	3.300	3.931	4.613	5.062

Bảng 12: Kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trước cổ phần hóa

2. Kết quả sản xuất kinh doanh của Vinatex và các đơn vị TNHH MTV cùng thực hiện cổ phần hóa với công ty Mẹ - Tập đoàn

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu*	2011**	2012	2013***
1	Tổng tài sản	6.727.734	7.118.707	7.303.242
2	Nguồn vốn nhà nước	4.299.596	4.299.596	4.299.596
3	Nguồn vốn kinh doanh	4.299.596	4.574.581	4.786.881
4	Doanh thu và thu nhập	3.067.314	3.061.870	3.472.329
5	Lợi nhuận trước thuế	357.045	213.193	237.087
6	Nộp ngân sách	78.724	75.788	72.110
7	Nợ phải trả	540.916	512.392	499.015
8	Nợ phải thu	897.184	710.985	807.989
9	Lao động (người)	4.553	5.436	5.025
10	Thu nhập (1000đ/ng/tháng)	4.489	4.491	5.108

*Các chỉ tiêu 1, 4, 5, 6, 9 và 10 là chỉ tiêu hợp cộng; Các chỉ tiêu còn lại là số liệu của Công ty Mẹ - Tập đoàn

** Số điều chỉnh theo xác định giá trị doanh nghiệp

*** Số ước tính

Bảng 13: Kết quả sản xuất kinh doanh của Vinatex và 4 công ty TNHH MTV

3. Kết quả sản xuất kinh doanh của Vinatex và các đơn vị phụ thuộc

3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh của Vinatex

Bảng dưới đây tóm tắt kết quả sản xuất kinh doanh của Vinatex giai đoạn 2009 – 2013:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011		2012	2013*
				Số sổ sách	Điều chỉnh theo xác định GTDN		
1	Tổng tài sản	4.033.543	4.280.883	4.481.257	4.840.512	5.086.973	5.285.896
2	Vốn đầu tư CSH	3.265.300	3.400.000	4.004.778	4.299.596	4.299.596	4.299.596
3	Doanh thu và Thu nhập khác**	1.277.772	851.002	447.681		468.017	527.172
6	Lợi nhuận trước thuế	200.244	201.475	216.011		214.643	232.032
4	Lợi nhuận sau thuế	193.564	201.353	216.011		214.643	232.032
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư CSH (=4/2)	5,9%	5,9%	5,4%		5,0%	5,4%
6	Nợ ngắn hạn	398.705	406.144	435.156	499.594	487.629	477.700
7	Nợ dài hạn	141.243	97.608	41.322	41.322	24.763	21.315
8	Hệ số nợ trên vốn đầu tư CSH (=6+7)/2)	0,17	0,15	0,12	0,13	0,12	0,12
9	Hệ số nợ dài hạn trên vốn đầu tư CSH (=7/2)	0,04	0,03	0,01	0,01	0,01	0,005

*Kết quả ước tính

** Doanh thu và thu nhập khác năm 2011 giảm mạnh so với năm 2010 do từ năm 2010, Công ty Kinh doanh hàng Thời trang là đơn vị phụ thuộc đã chuyển thành Công ty TNHH MTV Dệt May Thời Trang Việt Nam có tư cách pháp nhân đầy đủ nên doanh thu của công ty này được tách ra khỏi doanh thu của Vinatex.

Bảng 14: Kết quả sản xuất kinh doanh của Vinatex giai đoạn 2009-2013

Cơ cấu doanh thu của Vinatex có sự chuyển dịch từ doanh thu bán hàng sang doanh thu hoạt động tài chính (chủ yếu bao gồm cổ tức, lãi tiền gửi và cho vay). Sự chuyển dịch này thể hiện sự chuyển đổi của Vinatex theo hướng đẩy mạnh vai trò của Công ty Mẹ - Tập đoàn trong việc trở thành đầu mối trong việc hoạch định chiến lược, điều phối các nguồn lực của Tập đoàn và hỗ trợ các công ty con.

Đơn vị: Triệu đồng

	2009	2010	2011	2012	2013*
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.022.773	490.515	99.513	116.170	104.457
Doanh thu hoạt động tài chính	247.249	330.409	339.749	350.397	422.715
Thu nhập khác	7.750	30.078	8.419	1.450	-
Tổng doanh thu và thu nhập	1.277.772	851.002	447.681	468.017	527.172

*Ước thực hiện

Bảng 15: Doanh thu của Vinatex giai đoạn 2009 - 2013

Cùng với sự thay đổi trong cơ cấu doanh thu, cơ cấu chi phí cũng thay đổi tương ứng. Theo đó, chi phí bán hàng và giá vốn giảm dần qua các năm từ 2009 tới 2011 trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên. Riêng chi phí tài chính giảm, trái ngược với xu hướng tăng của doanh thu tài chính. Nguyên nhân chủ yếu là do Vinatex tăng cường sử dụng vốn chủ sở hữu và giảm các khoản vay, dẫn tới chi phí lãi vay giảm. Thêm vào đó, trong năm 2011, khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư 18 tỷ cũng khiến tổng chi phí tài chính giảm đáng kể. Tuy nhiên tới năm 2012, chi phí tài chính bắt đầu tăng với sự gia tăng của chi phí lãi vay.

Đơn vị: Triệu đồng

	2009	2010	2011	2012	2013*
Giá vốn hàng bán	808.383	379.354	66.863	72.394	76.372
Chi phí tài chính	21.077	10.921	(1.816)	27.384	51.292
Chi phí bán hàng	150.695	62.747	694	44	265
Chi phí quản lý doanh nghiệp	94.600	194.220	158.585	151.599	167.211
Tổng chi phí	1.074.755	647.242	224.325	251.421	295.140

*Ước thực hiện

Bảng 16: Chi phí của Vinatex giai đoạn 2009 - 2013

3.2. Kết quả sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp Veston Hải Phòng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011		2012	2013*
				BCTC	Điều chỉnh theo xác định GTDN		
1	Tổng tài sản	62.812	74.973	79.173	79.255	71.883	73.300
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.060	37.100	42.134	42.217	42.217	42.217
3	Doanh thu và thu nhập khác	13.786	43.080	66.579		68.693	73.000
4	Lợi nhuận trước thuế	(4.414)	(643)	1.541		1.605	1.800
5	Lợi nhuận sau thuế	(4.414)	(643)	1.541		1.605	1.800
6	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	-14,68%	-1,73%	3,66%		3,80%	4,26%
7	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	-14,68%	-1,73%	3,66%		3,80%	4,26%

*Kết quả ước tính

Bảng 17: Kết quả kinh doanh của Xí nghiệp Veston Hải Phòng

3.3. Kết quả sản xuất kinh doanh của Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt May Phố Nối

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011		2012	2013*
				BCTC	Điều chỉnh theo xác định GTDN		
1	Tổng tài sản	91.354	94.965	75.227	76.063	72.962	74.646
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.167	35.492	35.492	36.328	36.328	36.328
3	Doanh thu và thu nhập khác	2.803	4.236	5.987		7.390	8.110
4	Lợi nhuận trước thuế	(4.349)	(4.454)	(6.540)		(7.523)	(7.600)
5	Lợi nhuận sau thuế	(4.349)	(4.454)	(6.540)		(7.523)	(7.600)
6	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	-13,11%	-12,55%	-18,43%		-20,71%	-20,92%
7	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	-13,11%	-12,55%	-18,43%		-20,71%	-20,92%

*Kết quả ước tính

Bảng 18: Kết quả kinh doanh của Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt May Phố Nối

4. Kết quả sản xuất kinh doanh của 4 công ty TNHH MTV

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011		2012	2013*
				BCTC	Điều chỉnh theo xác định GTDN		
1	Tổng tài sản	258.670	277.970	332.440	368.056	411.468	391.325
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	32.005	32.778	35.560	71.191	71.191	71.191
3	Doanh thu và thu nhập khác	226.204	262.066	382.381		398.774	500.000
4	Lợi nhuận trước thuế	3.031	3.744	6.098		2.381	15.000
5	Lợi nhuận sau thuế	2.365	2.763	5.012		1.949	11.250
6	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	9,47%	11,42%	17,15%		3,34%	21,07%
7	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	7,39%	8,43%	14,09%		2,74%	15,80%

*Kết quả ước tính

Bảng 19: Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011		2012	2013*
				BCTC	Điều chỉnh theo xác định GTDN		
1	Tổng tài sản	265.943	254.692	252.436	286.570	272.387	252.918
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	136.381	136.200	143.246	163.628	163.628	163.628
3	Doanh thu và thu nhập khác	137.640	196.495	175.011		195.100	250.000
4	Lợi nhuận trước thuế	24.423	(42.812)	2.770		6.203	8.230
5	Lợi nhuận sau thuế	22.300	(42.812)	2.770		6.203	8.230
6	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	17,91%	-31,43%	1,93%		3,79%	5,03%
7	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	16,35%	-31,43%	1,93%		3,79%	5,03%

*Kết quả ước tính

Bảng 20: Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011		2012	2013*
				BCTC	Điều chỉnh theo xác định GTDN		
1	Tổng tài sản	450.425	567.549	766.953	789.714	996.565	989.249
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.508	162.043	251.473	274.499	274.499	274.499
3	Doanh thu và thu nhập khác	991.076	1.268.212	1.650.309		1.798.972	2.060.157
4	Lợi nhuận trước thuế	13.987	27.380	32.770		652	(18.600)
5	Lợi nhuận sau thuế	13.987	22.389	24.578		490	(18.600)
6	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	11,42%	16,90%	13,03%		0,24%	-6,78%
7	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	11,42%	13,82%	9,77%		0,18%	-6,78%

*Kết quả ước tính

Bảng 21: Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Thời Trang Dệt may Việt Nam

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011		2012	2013*
				BCTC	Điều chỉnh theo xác định GTDN		
1	Tổng tài sản	280.838	351.015	460.491	442.882	351.314	383.854
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	38.874	36.982	137.595	127.196	127.196	127.196
3	Doanh thu và thu nhập khác	167.644	151.256	411.932		201.007	135.000
4	Lợi nhuận trước thuế	121	81	99.396		(10.686)	425
5	Lợi nhuận sau thuế	91	1	93.294		(10.686)	425
6	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	0,31%	0,22%	72,24%		-8,40%	0,33%
7	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	0,23%	0,00%	67,80%		-8,40%	0,33%

*Kết quả ước tính

Bảng 22: Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Dệt 8-3

V. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐẤT TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

Tính tới thời điểm trước khi cổ phần hoá Vinatex cùng với các công ty TNHH một thành viên được giao quản lý và sử dụng hơn 490.000 mét vuông đất phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tập đoàn hiện nắm giữ quỹ đất lớn hoàn toàn đủ đáp ứng cho nhu cầu tăng trưởng nhanh và dài hạn của Tập đoàn trong tương lai. Quỹ đất này cũng đảm bảo khả năng tăng vốn chủ sở hữu của Tập đoàn trong tương lai. Đây là những thế mạnh đặc biệt và riêng có của Tập đoàn.

STT	Cơ sở nhà đất	Diện tích (m ²)
1	Vinatex	92.667
2	Công ty TNHH MTV Thời trang Dệt May Việt Nam	23.509
4	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	195.322
5	Công ty TNHH MTV Dệt may Đông Phương	72.307
3	Công ty TNHH MTV Dệt 8/3	106.915
Tổng cộng		490.720

Bảng 23: Hiện trạng sử dụng đất của Vinatex và các Công ty TNHH MTV trước cổ phần hóa

Với quỹ đất hiện tại, Vinatex và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn cũng đang sở hữu lợi thế cạnh tranh thương mại đáng kể về vị trí địa lý so với các đối thủ cạnh tranh. Các nhà máy và cơ sở sản xuất đều được đặt tại các vị trí thuận lợi cho kinh doanh. Cụ thể: Cơ sở sản xuất của các Công ty TNHH MTV Dệt 8/3, Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân; Các cửa hàng giới thiệu sản phẩm, trung tâm bán hàng cũng như các diện tích dành cho việc xây dựng cao ốc, văn phòng, trung tâm thương mại đều được đặt tại các khu vực trung tâm của các thành phố lớn. Trụ sở của Vinatex cũng như các cửa hàng bán hàng và giới thiệu sản phẩm của Tập đoàn đều được đặt ở các khu vực trung tâm của Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi tiết tình hình sử dụng đất của Tập đoàn được trình bày tại **Phụ lục 1** của Phương án này.

VI. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Vinatex

Giá trị của Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công Thương tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 để cổ phần hóa:

Đơn vị tính: VNĐ	
Tổng nguồn vốn	Vinatex*
Phân theo kết cấu tài sản	4.840.511.627.839
Tài sản ngắn hạn	1.101.507.666.523
Tài sản dài hạn	3.733.385.003.441
Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	5.618.957.875
Giá trị quyền sử dụng đất	-
Phân theo nguồn vốn	4.840.511.627.839
Nợ phải trả	498.794.164.340
Vốn chủ sở hữu	4.299.595.911.499
Nguồn kinh phí	42.121.552.000

* Giá trị của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không bao gồm giá trị của các đơn vị hành chính sự nghiệp

Bảng 24: Cơ cấu nguồn vốn, tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của Vinatex

2. Cơ cấu nguồn vốn, tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của các đơn vị phụ thuộc và 4 công ty TNHH MTV cùng tham gia cổ phần hóa với Công ty mẹ - Tập đoàn

Đơn vị tính: Đồng

Tổng nguồn vốn	Trung tâm XLNT KCN Dệt May Phố Nối	Xí nghiệp Veston Hải Phòng	Công ty TNHH MTV Dệt 8/3	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông xuân	Công ty TNHH MTV TMTT DMVN
Phân theo kết cấu tài sản	76.063.271.727	79.255.756.204	442.881.989.662	286.570.222.287	368.055.983.735	789.714.411.234
Tài sản ngắn hạn	9.723.733.942	26.679.866.649	242.198.889.940	114.754.554.490	152.083.186.086	520.473.758.290
Tài sản dài hạn	66.339.537.785	52.575.889.555	200.683.099.722	158.016.713.796	215.718.861.285	259.640.538.571
Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-	46.954.001	253.936.364	913.393.861
Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-	13.752.000.000	-	8.686.720.512
Phân theo nguồn vốn	76.063.271.727	79.255.756.204	442.881.989.662	286.570.222.287	368.055.983.735	789.714.411.234
Nợ phải trả	39.735.018.749	37.038.953.383	315.686.292.699	122.942.667.651	296.644.743.066	515.215.829.251
Vốn chủ sở hữu	36.328.252.978	42.216.802.821	127.195.696.963	163.627.554.636	71.191.925.340	274.498.581.983
Nguồn kinh phí	-	-			219.315.329	-

Bảng 25: Cơ cấu nguồn vốn, tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của các đơn vị phụ thuộc và 4 công ty TNHH MTV

3. Một số nội dung khác trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp

- Căn cứ công văn số 5062/ VPCP-ĐMDN ngày 24/06/2016 về cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cho phép đối với nhà cửa vật kiến trúc tại 67 Ngõ Thì Nhậm – thành phố Hà Nội của công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân và những diện tích đất Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có nhu cầu sử dụng: bàn giao lại cho thành phố, địa phương để bố trí theo quy hoạch và thu nộp ngân sách theo quy định; nếu được đền bù di dời thì phần chênh lệch (nếu có) giữa số tiền nhận được từ đền bù di dời với giá trị còn lại theo sổ sách của tài sản, Công ty cổ phần nộp vào ngân sách nhà nước.
- Tại thời điểm xác định GTDN, báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn và các đơn vị thực hiện cổ phần hóa cùng Công ty mẹ chưa được kiểm tra quyết toán thuế.

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VINATEX

1. Điểm mạnh và sự khác biệt của Vinatex

- ✓ Vinatex có năng lực nghiên cứu phát triển công nghệ, thiết kế và đào tạo nguồn nhân lực cho toàn bộ ngành dệt may tại Việt Nam.
Sau khi cổ phần hóa, Vinatex sẽ tiếp tục quản lý các khối viện nghiên cứu, các trường đào tạo. Các Trường đào tạo là bộ phận đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực về kỹ thuật, quản lý cho các đơn vị, các dự án của Tập đoàn cũng như các đơn vị khác trong ngành dệt may tại Việt Nam. Trong khi đó, các Viện, Trung tâm nghiên cứu chịu trách nhiệm tiến hành nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, đặc biệt là lĩnh vực thiết kế thời trang vào hoạt động sản xuất của các đơn vị thành viên và các dự án đầu tư của Tập đoàn.
- ✓ Tăng trưởng bền vững và ấn tượng. Doanh thu của Tập đoàn liên tục tăng trong các năm vừa qua. Trong giai đoạn 2009-2011, doanh thu của Tập đoàn luôn ổn định ở mức 17%-19%. Doanh thu nội địa của Vinatex đạt khoảng 12 nghìn tỷ đồng tương đương 600 triệu USD. Kim ngạch xuất khẩu của Vinatex cũng luôn giữ được tốc độ tăng cao, chiếm trên 15% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành và là một trong những đơn vị có kim ngạch xuất khẩu lớn của Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2009-

2011 luôn ở mức 16-18%. Năm 2012 kim ngạch xuất khẩu của Vinatex đạt 2,6 tỷ USD. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu luôn đạt ở mức cao từ 12%-14%.

- ✓ Vinatex sở hữu chuỗi cung ứng đầy đủ với sự có mặt trong tất cả các khâu từ Sợi, Dệt, Nhuộm hoàn tất tới May. Đại diện của các khâu trong chuỗi cung ứng hiện tại của Vinatex có thể kể đến là Công ty Cổ phần Bông Việt Nam, Công ty TNHH MTV Dệt 8/3, Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định... Sự phối hợp chặt chẽ giữa các công ty trong chuỗi cung ứng giúp tiết kiệm chi phí, chủ động trong sản xuất và nâng cao giá trị gia tăng trong sản phẩm, là cơ sở phát triển bền vững cho tất cả các thành viên trong chuỗi.
- ✓ Vinatex đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc gắn kết giữa các đơn vị trong chuỗi cung ứng. Cụ thể, Vinatex là đơn vị đầu mối hoạch định chiến lược, đảm bảo sự phát triển thống nhất theo chiến lược chung của các đơn vị thành viên. Vinatex đóng vai trò chính trong việc xem xét giải quyết và đề xuất các giải pháp để giải tỏa các khó khăn vướng mắc về các quy định, chính sách của các đơn vị trong ngành dệt may. Thêm vào đó, hoạt động nhập khẩu và phân phối bông cho các đơn vị trong Tập đoàn. Đây sẽ là nguồn thu ổn định cho Tập đoàn, tạo ra lợi ích kinh tế về quy mô và giảm chi phí cho các đơn vị thành viên. Công ty mẹ còn là đầu mối phát triển thị trường, đàm phán với đối tác để mang lại các hợp đồng lớn cho các thành viên trong Tập đoàn.
- ✓ Vinatex sở hữu kênh phân phối hàng dệt may riêng với quy mô khá tại thị trường nội địa. Hệ thống siêu thị Vinatexmart có 82 siêu thị tại 26 tỉnh, thành phố trên cả nước. Các đơn vị thành viên của Vinatex cũng tích cực mở rộng hệ thống cửa hàng giới thiệu sản phẩm, đại lý về khắp các tỉnh, thành phố với khoảng 4.000 điểm bán hàng.
- ✓ Vinatex tạo được chỗ đứng vững chắc tại một số thị trường dệt may lớn như Mỹ, EU, và Nhật Bản. Hiện tại, với khả năng đáp ứng được hầu hết các chủng loại đơn hàng với mẫu mã, chất lượng khác nhau cũng như lợi thế về chi phí nhân công so với các đối thủ cạnh tranh chính như Trung Quốc, Indonesia,... Mặc dù phải cạnh tranh gay gắt với các đối thủ cạnh tranh

trong nước và quốc tế, tuy nhiên trong một vài năm trở lại đây, xuất khẩu dệt may của Việt Nam vẫn giữ vững mức tăng trưởng từ 8%-10%, trong khi xuất khẩu dệt may của Trung Quốc năm 2012 chỉ tăng 1,2%; nhập khẩu dệt may của Mỹ năm 2012 từ các thị trường chính đều giảm như Trung Quốc (giảm 0,5%), Ấn Độ (giảm 1,8%), Indonesia (giảm 0,1%), Mexico (giảm 0,6%) thì nhập khẩu khẩu từ Việt Nam lại tăng 8,9%.

- ✓ Vinatex được phép sử dụng một quỹ đất tiềm năng, đáp ứng tốc độ phát triển hoạt động xuất kinh doanh và tăng vốn chủ sở hữu. Hiện tại, Tập đoàn được giao quản lý và sử dụng một quỹ đất với diện tích trên 490.000m² để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cơ sở đào tạo và nghiên cứu, cũng như các khu vực văn phòng. Với quỹ đất này, Vinatex và rất nhiều đơn vị thành viên của Tập đoàn có lợi thế cạnh tranh về vị trí địa lý do các nhà máy được đặt ở vị trí giao thông thuận lợi; các cửa hàng, văn phòng nằm ở các khu vực trung tâm của các thành phố lớn. Ngoài ra, Vinatex được phép sử dụng 100% tiền chuyển mục đích sử dụng đất tại một số đơn vị để tăng vốn chủ sở hữu sau khi cổ phần hóa. Quá trình tăng vốn sẽ diễn ra từ năm 2014 -2017 và tổng số vốn được tăng thêm được ước tính lên tới 1.490 tỷ đồng. Nguồn vốn tăng thêm này sẽ hỗ trợ Vinatex tiếp tục đầu tư mở rộng tại các đơn vị nòng cốt và có hiệu quả hoạt động cao nhằm thực hiện mục tiêu hoàn thiện chuỗi cung ứng.
- ✓ Ngành May của Vinatex đã đạt đến trình độ tiên tiến cả về chất lượng công nghệ và tay nghề, đủ sức đáp ứng được hầu hết các yêu cầu về kiểu dáng và chất lượng sản phẩm.
- ✓ Có lợi thế cạnh tranh về vị trí địa lý: các doanh nghiệp thành viên, các nhà máy nhìn chung đều được đặt tại các vị trí thuận lợi hơn so với các doanh nghiệp mới đầu tư.

2. Các vấn đề cần hoàn thiện

Hiện tại, Tập đoàn đã tạo dựng vị trí nhất định trên thị trường thế giới. Để tiếp tục nâng cao hiệu quả của chuỗi cung ứng, tạo chỗ đứng vững chắc tại thị trường trong nước và quốc tế, sau khi cổ phần hóa Vinatex sẽ phải tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Củng cố sức mạnh tài chính chung của Tập đoàn. Hiện tại, bên cạnh một số doanh nghiệp có tiềm lực tài chính tốt, vẫn còn một số doanh nghiệp hoạt

động chưa hiệu quả, mất cân đối về nguồn vốn khi dùng vốn ngắn hạn đầu tư cho dài hạn, làm giảm năng lực và tính cạnh tranh trên thị trường. Việc nâng cao vai trò của công ty mẹ thông qua triển khai đồng bộ các biện pháp về cơ cấu lại vốn góp tại các đơn vị và các giải pháp về kỹ thuật công nghệ và nhân lực để đảm bảo công ty mẹ có khả năng điều phối nguồn vốn giữa các đơn vị thành viên, tránh tình trạng đơn vị thiếu vốn, đơn vị thừa vốn.

- Đầu tư vào các hoạt động cốt lõi để tránh sự phân tán nguồn lực và do đó không tạo ra được các thay đổi mang tính bước ngoặt. Sau khi cổ phần hóa, Vinatex sẽ thoái vốn tại lĩnh vực không chủ chốt như tài chính ngân hàng, và các đơn vị hoạt động không hiệu quả, đồng thời tăng vốn tại các đơn vị nòng cốt có hiệu quả hoạt động tốt.
- Xây dựng thương hiệu mạnh mang đặc trưng của Tập đoàn. Hiện tại, việc xây dựng thương hiệu của Tập đoàn còn manh mún, được thực hiện lẻ tẻ tại các đơn vị thành viên do vậy chưa có nhiều thương hiệu được định vị vững chắc trên thị trường.
- Nâng cao năng lực thiết kế sản phẩm để góp phần xây dựng thương hiệu và đẩy mạnh các sản phẩm mang giá trị gia tăng cao. Hiện nay, các đơn vị trong Tập đoàn chủ yếu gia công theo đơn đặt hàng của đối tác mà chưa thực sự chú trọng tới việc tự thiết kế các sản phẩm. Thêm vào đó, số lượng cán bộ có chuyên môn về thiết kế có hạn cũng cản trở việc cung cấp các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Các vấn đề này sẽ dần được giải quyết khi vai trò khối viện trường được đẩy mạnh hơn nữa.
- Nâng cao năng lực của các khâu Sợi – Dệt – Nhuộm hoàn tất đáp ứng nhu cầu ngành may và tăng tỷ lệ nội địa hóa.

3. Cơ hội

Trong thời gian tới, Vinatex sẽ có nhiều cơ hội để tiếp tục phát triển thị trường và đi vào sản xuất chiều sâu.

- ✓ Trên thị trường quốc tế, cánh cửa cho hàng dệt may của Việt Nam nói chung trong đó có Vinatex sẽ được mở rộng cùng với việc gia nhập WTO, tham gia các hiệp định thương mại FTA đã và đang đàm phán như FTA Việt Nam-Nhật Bản, Asean- Hàn Quốc, Hiệp định tự do thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP), FTA Việt Nam- EU, FTA Việt Nam và Liên minh thuế quan Nga- Belarus- Kazakhstan...

- ✓ Tại thị trường nội địa, Vinatex có cơ hội mở rộng thị phần tại một thị trường đang phát triển mạnh, nhiều tiềm năng. Quy mô thị trường với gần 90 triệu dân là rất lớn. Thêm vào đó, với xu hướng “người Việt dùng hàng Việt” cũng tạo cơ hội để các sản phẩm của Vinatex từng bước chiếm lĩnh thị trường.
- ✓ Vinatex có cơ hội tổ chức lại hoạt động của mình, tập trung vào các hoạt động cốt lõi để có thể phát triển theo chiều sâu do chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước trong đó có Vinatex của Chính phủ.

4. Thách thức

- Trong thời gian Vinatex sẽ tiếp tục phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ. Tại thị trường quốc tế, các đối thủ cạnh tranh chính có thể kể tới như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia.... Trung Quốc vẫn luôn là một đối thủ cạnh tranh rất lớn của Việt Nam do có những lợi thế cạnh tranh về nguyên liệu đầu vào, trình độ, công nghệ sản xuất tiên tiến và lợi thế về nguồn nhân lực, mặc dù trong những năm trở lại đây Trung Quốc mất dần vị trí ảnh hưởng do giá thành sản xuất ngày càng tăng cao. Trong khi đó, một số đối thủ cạnh tranh đang nổi lên với lợi thế giá nhân công ở mức thấp hơn Việt Nam như Campuchia, Lào, Myanmar đang tạo áp lực đối với thị phần của Việt Nam trên thị trường dệt may thế giới. Tại thị trường trong nước, Vinatex cũng gặp một số khó khăn khi phải cạnh tranh với các sản phẩm nhập lậu từ Trung Quốc, các sản phẩm hàng giả hàng nhái...Ngoài ra, Vinatex cũng phải cạnh tranh với các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp FDI do Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan làm chủ đầu tư với trình độ công nghệ, độ linh hoạt rất cao trong tất cả các ngành: sợi, dệt nhuộm và may.
- Việc mở rộng thị trường nội địa gặp khó khăn do chênh lệch giàu nghèo quá lớn giữa khu vực đô thị và nông thôn. Trong ngắn hạn, doanh thu bán hàng chủ yếu vẫn đến từ khu vực thành thị, nơi chỉ có 30% dân số Việt Nam sinh sống.
- Áp lực từ việc tăng chi phí nhân công ngày càng cao. Tốc độ tăng tiền lương bình quân mỗi năm 20% (dự báo trong 3-4 năm nữa có thể lên đến 500 USD/tháng). Thêm vào đó, nhu cầu lao động ngày tăng trong khi việc biến động lao động, đặc biệt là thiếu hụt lao động chất lượng cao, vẫn đang diễn ra.

PHẦN THỨ HAI: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Quyết định số 5151/ QĐ – BCT ngày 07 tháng 10 năm 2011 về việc cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và nhu cầu vốn để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới, Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đề nghị áp dụng việc thực hiện cổ phần hoá theo hình thức: **Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại Tập đoàn, kết hợp phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối.**

2. Tên gọi Công ty cổ phần

- Tên tổ hợp: Tập đoàn Dệt May Quốc gia Việt Nam
- Tên công ty: Tập đoàn Dệt May Việt Nam
- Loại hình hoạt động: Công ty cổ phần
- Tên giao dịch quốc tế: Vietnam National Textile and Garment Group
- Tên viết tắt: Vinatex
- Trụ sở chính: 25 phố Bà Triệu và 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84.4) 38257700
- Fax: (84.4) 38262269
- Website: www.vinatex.com

Vinatex có

- Tư cách pháp nhân kể từ ngày đăng ký kinh doanh.
- Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập.
- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- Được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp, được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Ngành, nghề kinh doanh chính: Đầu tư, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm dệt may thời trang.
- Ngành, nghề kinh doanh có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:
 - Đầu tư vốn, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu: Sản phẩm, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, hóa chất, thuốc nhuộm ngành dệt may thời trang;
 - Đầu tư và kinh doanh: siêu thị, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp dệt may, xử lý môi trường;
 - Đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dệt may; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực dệt may thời trang
 - Giám định, kiểm nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm và nguyên phụ liệu dệt may, hạt giống cây trồng (bông và các cây loại nguyên liệu khác);
 - Tư vấn, thiết kế, lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường dệt may;
 - Đào tạo nghề, quản lý doanh nghiệp, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực dệt may thời trang.

4. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo Quyết định 4373/QĐ-BCT ngày 28/6/2013 về việc xác định giá trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa và Quyết định 10132/QĐ-BCT ngày 30/12/2013 sửa đổi Điều 1 và Điều 2 Quyết định 4373/QĐ-BCT ngày 28/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp: 4.840.511.627.839 đồng.
- Trong đó giá trị thực tế phần vốn Nhà nước: 4.299.595.911.499 đồng.

Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp:

- Tài sản không cần dùng: trong đó công nợ không có khả năng thu hồi: 1.354.083.770
- Tài sản tại các đơn vị sự nghiệp: 107.666.971.804 đồng

5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

5.1. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Vinatex: 5.000.000.000.000đ (*Bảng chữ: năm nghìn tỷ đồng*)
- Mệnh giá một cổ phần: 10.000đ
- Số lượng cổ phần: 500.000.000

5.2. Cơ cấu vốn điều lệ

STT	Đối tượng	Số cổ phần	Tỷ lệ	Trị giá
1	Nhà nước	255.000.000	51%	2.550.000.000.000
2	Người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa. Trong đó:	3.000.850	0,60%	30.008.500.000
	- Cổ phần người lao động được mua ưu đãi	2.313.100	0,46%	23.131.000.000
	- Cổ phần người lao động mua thêm	687.750	0,14%	6.877.500.000
3	Nhà đầu tư bên ngoài (bao gồm cả cổ đông chiến lược). Trong đó:	241.990.150	48,40%	2.419.901.500.000
	- Bán đấu giá công khai	121.999.150	24,40%	1.219.991.500.000
	- Bán cho nhà đầu tư chiến lược	120.000.000	24%	1.200.000.000.000
	TỔNG CỘNG	500.000.000	100%	5.000.000.000.000

Bảng 26: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa

5.3. Cổ phần người lao động được mua ưu đãi

- Tổng số lao động: 4.766 người.
- Tổng số lao động được mua ưu đãi: 3.445 người.
- Tổng số năm công tác: 23.131 năm.
- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi (với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất): 2.313.100 cổ phần.

Danh sách người lao động, năm công tác của từng người, số cổ phần từng người được ưu đãi được trình bày trong **Phụ lục 2** của Phương án này.

5.4. Cổ phần ưu đãi người lao động được mua thêm theo quy định của pháp luật

- Tổng số lao động thuộc đối tượng có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp: 406 người.
- Tổng số cổ phần ưu đãi đăng ký mua thêm (với giá bán bằng giá đấu thành công thấp nhất): 687.750 cổ phần.

Danh sách người lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp, số cổ phần từng người đăng ký mua được trình bày trong **Phụ lục 3** của Phương án này.

Tiêu chí mua thêm cổ phần được nêu tại Quyết định 400/QĐ-TĐDMVN ngày 01 tháng 10 năm 2013 quy định về việc đăng ký mua cổ phần ưu đãi mua thêm theo Nghị định 59/NĐ-CP, đính kèm tại **Phụ lục 14**.

6. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

6.1. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Vinatex sẽ đề xuất cơ chế đặc thù cho việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược. Theo đó, 3 nhà đầu tư chiến lược sẽ được lựa chọn: 1 nhà đầu tư trong lĩnh vực tài chính và 2 nhà đầu tư trong lĩnh vực sản xuất và phân phối hàng dệt may.

Các tiêu chí tiên quyết đối với nhà đầu tư chiến lược bao gồm:

- ✓ Sở hữu công nghệ, thị trường, thương hiệu trong lĩnh vực sản xuất nguyên liệu;
- ✓ Sở hữu hệ thống phân phối đến người tiêu dùng hoặc đến các nhà phân phối lớn tại các thị trường chủ chốt như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc; hoặc sở hữu các thương hiệu mạnh trên thị trường thế giới;
- ✓ Có năng lực tài chính mạnh và có chiến lược song hành dài hạn với ngành sản xuất dệt may.

6.2. Tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, tổng số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược là 120.000.000 cổ phần, tương đương 24% vốn Điều lệ của Vinatex. Tuy nhiên số cổ phần này sẽ thực hiện bán sau cho nhà đầu tư chiến lược trong

vòng 06 tháng kể từ ngày thực hiện bán đấu giá . Tiêu chí cụ thể và danh sách nhà đầu tư chiến lược Bộ Công Thương sẽ báo cáo cụ thể để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận về chủ trương.

7. Kế hoạch sắp xếp lại lao động và xử lý lao động dôi dư

STT	Nội dung	Vinatex	Công ty TNHH MTV				Tổng
			Dệt 8/3	Đông Phương	Đông Xuân	TMTTDMVN	
1	Tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên tại thời điểm 28/06/2013	901	199	253	932	2.481	4.766
2	Tổng số lao động tiếp tục được tuyển dụng và chuyển sang công ty cổ phần	897	199	235	931	2.479	4.741
3	Tổng số lao động dôi dư sau khi cổ phần hóa	4	-	18	1	2	25
4	Ước tính chi phí giải quyết lao động (triệu đồng)	624	-	1.438	48	-	2.110

Bảng 27- Kế hoạch sắp xếp lại lao động sau cổ phần hóa của Vinatex và các công ty TNHH MTV

- Danh sách người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Vinatex và các công ty TNHH MTV tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 28/06/2013 được trình bày tại **Phụ lục 4**.
- Danh sách người lao động cần sử dụng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa được trình bày tại **Phụ lục 5**.
- Danh sách người lao động không có nhu cầu sử dụng sau khi cổ phần hóa được trình bày tại **Phụ lục 7**.
- Phương án sử dụng lao động của Vinatex và các công ty TNHH MTV sau cổ phần hóa được trình bày tại **Phụ lục 6** của Phương án này.

8. Phương thức bán

- Thời gian bán cổ phần dự kiến: Quý I-Quý II/2014.
- Phương thức bán cổ phần: Đấu giá công khai.
- Địa điểm: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội hoặc Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổ chức tài chính trung gian tư vấn bán cổ phần: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Giá bán khởi điểm dự kiến: 11.000 đồng/ cổ phiếu
- Cơ sở xác định giá bán khởi điểm:
 - Sử dụng phương pháp vốn chủ, giá trị mỗi cổ phần được xác định là 10.736 đồng;
 - Phương pháp so sánh: Hiện tại, trên thị trường chưa có công ty nào có hoạt động tương tự như Vinatex trong lĩnh vực dệt và may, do vậy không thực hiện được việc tính giá khởi điểm trên cơ sở phương pháp so sánh.
 - Sử dụng mô hình chiết khấu cổ tức, giá trị mỗi cổ phần được xác định là 12.759 đồng.
 - Căn cứ vào tình hình thị trường thực tế.

Giá bán khởi điểm được đề xuất ở mức 11.000/ cổ phiếu.

Chi tiết cơ sở xác định giá bán khởi điểm được trình bày tại **Phụ lục 15**.

9. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần

STT	Nội dung	Giá trị
1	Vốn Điều lệ	5.000.000.000.000
	Vốn nhà nước sau khi đánh giá lại	4.299.595.911.499
	Vốn phát hành thêm	700.404.088.501
2	Tổng số tiền thu được	2.695.000.000.000
	- Thu theo mệnh giá	2.450.000.000.000
	- Chênh lệch tăng	245.000.000.000
2.1	Tổng số tiền thu được do bán cho người lao động	25.444.100.000
2.2	Tổng số tiền bán cho người lao động mua thêm	7.565.250.000
2.3	Tổng số tiền bán cho nhà đầu tư chiến lược	1.320.000.000.000
2.4	Tổng số tiền thu bán đấu giá	1.341.990.650.000
3	Thặng dư vốn	245.000.000.000
4	Các khoản trừ	10.228.784.183
	- Chi phí cổ phần hóa*	8.119.080.000
	- Chi phí lao động dôi dư	2.109.704.183
5	Chênh lệch sau khi trừ các khoản Chi phí	234.771.215.817
6	Phân chia chênh lệch theo tỷ lệ phát hành thêm	
	- Tỷ lệ vốn phát hành thêm	14,00%
	- Để lại	32.867.970.214
	- Nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển Doanh nghiệp	201.903.245.603

STT	Nội dung	Giá trị
7	Số còn lại nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (Tập đoàn đang trình Chính phủ cho phép được để lại chậm nộp trong 5 năm)	1.941.321.517.102
8	<u>Vốn để lại Tập đoàn</u>	<u>5.032.867.970.214</u>
	- Vốn điều lệ	5.000.000.000.000
	- Chênh lệch tăng thêm	32.867.970.214

* Chi tiết các chi phí cổ phần hóa được trình bày tại Phụ lục 12

Bảng 28: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần

10. Phương án đầu tư doanh nghiệp sau cổ phần hóa

10.1. Kế hoạch tổ chức và quản trị

- Tập trung vào các ngành nghề cốt lõi để đảm bảo phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm dệt may của Tập đoàn.
- Tái cơ cấu danh mục đầu tư để đảm bảo phù hợp với các ngành nghề cốt lõi:
 - Giảm vốn, thoái vốn tại các đơn vị hoạt động không hiệu quả các khoản đầu tư ngoài ngành, các tổ chức tài chính;
 - Thực hiện tăng vốn để nắm quyền kiểm soát đối với các công ty mà Tập đoàn nắm giữ vốn điều lệ từ 36% đến 65% mà có kết quả sản xuất kinh doanh hiệu quả và phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn
- Tăng cường vai trò của Vinatex
 - Vinatex là đầu mối hoạch định chiến lược phát triển ngắn, trung và dài hạn của Tập đoàn;
 - Vinatex thực hiện ba chức năng nhiệm vụ chính bao gồm:
 - Quản trị các khoản vốn đầu tư tại các công ty liên kết thông qua Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và người đại diện phần vốn để đảm bảo nguồn vốn Tập đoàn đã đầu tư được bảo toàn, phát triển và hướng hoạt động của các doanh nghiệp này đi theo hướng hoạt động chung của Tập đoàn;
 - Trực tiếp chỉ đạo và định hướng các công ty Tập đoàn nắm 100% vốn hoặc nắm cổ phần chi phối trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (Tập đoàn chỉ đạo cả về thị trường công nghệ và nhân lực), đầu tư và đóng vai trò nòng cốt để thực hiện chiến lược phát triển chung của toàn Tập đoàn
 - Hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên dịch chuyển sản xuất theo hướng ODM. Cụ thể: (1) Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn tín dụng với lãi suất hợp lý; (2) Hỗ trợ và phối hợp với các doanh nghiệp trong việc đào tạo nguồn nhân lực trong ngành dệt may để nâng cao khả năng của đội ngũ thiết kế, marketing và quản lý; (3) Vận động các cơ quan quản lý nhà nước để đưa ra các chính sách hỗ trợ phát triển các khâu thượng nguồn trong chuỗi giá trị để các doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng hơn với nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất; (4) Kêu gọi đầu tư, hỗ trợ qui hoạch vùng phát triển nguyên phụ liệu, xây dựng

- cụm ngành dệt may và thu hút nguồn vốn FDI phát triển ngành công nghiệp dệt, nhuộm để tạo sự kết nối tốt hơn giữa các khâu kéo sợi, dệt nhuộm và may mặc nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh của ngành dệt may Việt Nam.
- Quản lý khối các viện trường, đảm bảo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học công nghệ và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho Tập đoàn. .

10.2. Kế hoạch sản phẩm, thị trường, quy hoạch hoạt động

➤ Sản phẩm

- Đối với nhóm đơn vị sợi-dệt-nhuộm: Đảm bảo khối lượng sản phẩm sản xuất ra cân đối với nhu cầu thực tế của các đơn vị may trong Tập đoàn. Hạn chế sự phụ thuộc vào nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu thông qua việc sử dụng các sản phẩm của các doanh nghiệp trong nước. Trong giai đoạn 2013-2017, Vinatex sẽ triển khai hàng loạt các dự án đầu tư mới vào lĩnh vực nguyên liệu với tổng mức đầu tư lên tới gần 9.600 tỷ để hiện thực hóa các mục tiêu kể trên. Chi tiết kế hoạch đầu tư giai đoạn 2013-2017 được trình bày tại Bảng 37.
- Đối với nhóm đơn vị may: tập trung vào nhóm sản phẩm cao cấp, có yêu cầu kỹ thuật cao mà các công ty tư nhân nhỏ lẻ khác không có khả năng sản xuất; Tăng tỷ lệ nội địa hóa hàng dệt may của Tập đoàn từng bước chuyển từ hình thức gia công sang chủ động sản xuất hàng. Sau khi cổ phần hóa, Vinatex mở rộng thêm hoạt động kinh doanh các mặt hàng ODM dựa trên sự phối hợp với các đơn vị khác trong Tập đoàn. Định hướng chuyển dịch sản xuất lên ODM của Vinatex được thực hiện xuyên suốt trong các hoạt động từ phát triển sản phẩm với chất lượng và mẫu mã phù hợp đến việc tính toán giá thành sản phẩm cạnh tranh; công tác truyền thông cũng phải được đẩy mạnh để thúc đẩy xuất khẩu và thu hút đầu tư; chất lượng lao động được cải thiện, nâng cao chuyên môn đặc biệt là các lĩnh vực còn hạn chế như thiết kế ...

➤ Thị trường:

- Đẩy mạnh thị phần và kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Tập đoàn sang các thị trường chính là Mỹ, EU và Nhật Bản thông qua việc nâng cao chất lượng dự báo và đánh giá thị trường.

- Tìm kiếm và khai thác cơ hội tại các thị trường tiềm năng khác như Hàn Quốc, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Đông, Trung Quốc.
 - củng cố các thương hiệu hiện có, lựa chọn một số thương hiệu liên quan tới các mặt hàng chủ đạo của Tập đoàn để phát triển chiếm lĩnh thị trường nội địa trước khi phát triển ra thị trường nước ngoài.
 - Mở rộng hệ thống siêu thị, điểm bán hàng của Vinatex mart, đặc biệt hướng tới khu vực nông thôn, nơi chiếm tới 70% dân số của cả nước.
- Quy hoạch hoạt động:
- Xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, gần các khu công nghiệp sản xuất Sợi-Dệt – Nhuộm
 - Đầu tư hình thành các khối khu công nghiệp tập trung dệt nhuộm sợi, với các nhà máy may phân bố xung quanh các khu công nghiệp này. Ngoài ra, còn hình thành các trung tâm nghiên cứu, các viện thiết kế để tạo thành các điểm cung cấp sản phẩm khép kín từ thiết kế tới đầu ra sản phẩm.
 - Từng bước di dời các nhà máy may về các địa phương có nguồn lao động và thuận lợi giao thông. Địa bàn trọng điểm tập trung tại miền Trung từ Thanh Hóa tới Bình Định.

10.3. Kế hoạch phát triển khoa học công nghệ và nghiên cứu phát triển sản phẩm

- Khoa học công nghệ
- Làm chủ khả năng thiết kế quy trình công nghệ, tối ưu hóa hoạt động của các khâu: sản xuất nguyên liệu, sản xuất sợi cao cấp, sản xuất vải dệt thoi, dệt kim, may và thiết kế thời trang.
 - Nghiên cứu, xây dựng và tìm đối tác nghiên cứu trong lĩnh vực: khoa học công nghệ, thiết bị ngành sợi dệt may, chế biến nguyên phụ liệu đầu vào nhằm hạn chế sự phụ thuộc trong quá trình sản xuất.
- Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm sẽ được thực hiện tại hệ thống các trường và viện nghiên cứu của Vinatex. Đẩy mạnh và tăng cường sự liên kết giữa các trường, viện nghiên cứu với các doanh nghiệp thành viên nhằm đảm bảo công tác nghiên cứu nắm bắt được nhu cầu thực tế và có tính hiệu quả thương mại cao.

10.4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

Sau cổ phần hóa, các công ty TNHH vẫn hoạt động độc lập và hưởng kết quả sản xuất kinh doanh của mình. Vinatex có quyền điều chuyển 100% lợi nhuận từ các công ty TNHH MTV về Tập đoàn. Tỷ lệ cụ thể được quy định trong Điều lệ và Quy chế tài chính của Vinatex.

10.5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn giai đoạn 3 năm sau cổ phần hóa

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	2015	2016
1	Doanh thu (không VAT)	Tỷ đồng	43.588	47.947	53.700
2	Kim ngạch xuất khẩu (Tính đủ)	Triệu USD	2.201	2.421	2.712
3	Kim ngạch nhập khẩu (Tính đủ)	Triệu USD	1.187	1.223	1.284
4	Sản phẩm chủ yếu				
a	Sợi toàn bộ	1.000 tấn	122	135	149
b	Vải các loại	Triệu m ²	171	202	242
c	Sản phẩm may các loại	Triệu sản phẩm	228	255	293
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.838	1.985	2.144
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1.054	1.107	1.184
7	Vốn đầu tư của Tập đoàn tại các đơn vị	Tỷ đồng	3.581	3.627	4.665
8	Tỷ lệ cổ tức thu được/ Vốn đầu tư tại các đơn vị	%	8,85%	10,21%	9,36%
9	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu đồng	5.400	5.940	6.534

*Các chỉ tiêu 1, 2, 3, 5 là số hợp cộng

Bảng 29: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn giai đoạn 3 năm sau cổ phần hóa

10.6. Kế hoạch tài chính của Vinatex và các đơn vị TNHH MTV cùng thực hiện cổ phần hóa cùng Công ty mẹ - Tập đoàn

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu*	2014	2015	2016
1	Vốn điều lệ	6.007.000	7.187.000	8.500.000
2	Doanh thu và thu nhập khác	7.649.157	11.426.510	15.215.522
3	Nộp ngân sách	96.786	148.935	196.012
4	Lợi tức trước thuế	449.098	673.523	946.082
5	Lợi tức sau thuế	418.164	603.661	836.552
6	Lao động (người)	5.405	6.132	6.438
7	Thu nhập (1000đ/ng/tháng)	5.246	5.717	6.314
8	Cổ tức hàng năm (%)	5,1%	6,1%	7,1%

*Các chỉ tiêu 2,3 4,5 6 7 là chỉ tiêu hợp cộng. Các chỉ tiêu còn lại là chỉ tiêu riêng của Vinatex

Bảng 30: Kế hoạch tài chính của Vinatex và 4 công ty TNHH MTV

10.7. Kế hoạch tài chính của Vinatex

Bảng dưới đây tóm tắt các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Vinatex trong giai đoạn 2014-2016. Quy mô vốn chủ sở hữu được dự báo sẽ tăng 41 % vào cuối giai đoạn 2016, lên mức 9.148 tỷ. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu giữ đà tăng trưởng liên tục và đạt 7,8% vào năm 2016.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	2015	2016
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.987.683	2.261.606	2.485.776
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	7.582.932	10.580.455	11.954.526
3	Tổng tài sản	Triệu đồng	9.570.615	12.842.061	14.440.302
4	Nợ phải trả	Triệu đồng	3.093.265	5.116.065	5.291.737
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	6.477.350	7.725.996	9.148.566
6	Tổng doanh thu & thu nhập	Triệu đồng	3.941.394	6.408.793	9.105.664
7	Chi phí	Triệu đồng	3.574.677	5.863.730	8.328.359
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	366.717	545.063	777.305
9	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	355.752	506.612	709.187
10	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn CSH (=8/5)	%	5,7%	7,1%	8,5%
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH (=9/5)	%	5,5%	6,6%	7,8%
12	Tỷ lệ cổ tức trên vốn góp	%	5,1%	6,1%	7,1%

Bảng 31: Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2014-2016 của Vinatex

Kế hoạch vốn đầu tư của chủ sở hữu trong giai đoạn 2014-2016 cụ thể như sau:

	Đơn vị tính	2014	2015	2016
Vốn chủ sở hữu đầu năm	Triệu đồng	4.786.881	6.477.350	7.725.996
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng thêm trong năm	Triệu đồng	1.707.404	1.180.000	1.313.000
Lợi nhuận chưa phân phối tăng thêm	Triệu đồng	16.186	23.051	31.558
Thay đổi các quỹ	Triệu đồng	-33.121	45.595	78.011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu cuối năm	Triệu đồng	6.477.350	7.725.996	9.148.566

Bảng 32: Kế hoạch tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu giai đoạn 2014-2016

Từ năm 2014, Vinatex sẽ phát triển các hoạt động mới là kinh doanh các mặt hàng dệt may theo hình thức ODM và kinh doanh bông tập trung. Đây sẽ là các hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu cho Vinatex bên cạnh nguồn thu từ cổ tức. Doanh thu từ các mặt hàng dệt may theo hình thức ODM được dự báo có tốc độ tăng trưởng cao do Vinatex sẽ tập trung phát triển thị trường, thiết kế mẫu mã và thông qua các đơn vị thành viên để thực hiện sản xuất. Hoạt động kinh doanh bông tập trung chủ yếu dựa trên nhu cầu của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn. Việc kinh doanh bông tập trung sẽ mang lại hiệu quả kinh tế về quy mô và mang lại lợi ích chung cho Tập đoàn. Doanh thu từ cổ tức cũng giữ đà tăng ổn định phù hợp với xu hướng tăng vốn đầu tư của Vinatex vào các doanh nghiệp khác, trong chủ yếu là các công ty trong ngành.

Chi tiết doanh thu của Vinatex trong giai đoạn 2014-2016 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	2015	2016
Doanh thu hoạt động	Triệu đồng	3.604.209	6.005.498	8.622.385
Doanh thu hoạt động kinh doanh dệt may	Triệu đồng	3.556.425	5.956.653	8.568.822
Khác	Triệu đồng	47.784	48.845	53.563
Thu nhập về tài chính	Triệu đồng	319.164	373.268	440.167
Cổ tức	Triệu đồng	316.875	370.288	436.716
Khác	Triệu đồng	2.289	2.980	3.451
Thu nhập khác	Triệu đồng	18.021	30.027	43.112
Tổng doanh thu và thu nhập	Triệu đồng	3.941.394	6.408.793	9.105.664

Bảng 33: Kế hoạch doanh thu giai đoạn 2014-2016 của Vinatex

Tổng chi phí của Vinatex sau khi cổ phần hóa tăng đáng kể, chủ yếu do giá vốn của hoạt động kinh doanh bông tập trung. Ngoài ra, để tài trợ cho hoạt động mở rộng kinh doanh và đầu tư dự án mới, Vinatex cũng sẽ tăng sử dụng nguồn vốn vay để tối ưu hóa cơ cấu vốn. Chi lãi vay trong giai đoạn 2014-2016 sẽ tăng đáng kể so với năm 2013 chủ yếu do các khoản vay nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư cho các dự án mới của Vinatex. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp cũng có mức tăng tương ứng với sự tăng trưởng doanh thu trong giai đoạn 2014-2016.

Chi tiết chi phí của Vinatex giai đoạn 2014-2016 được trình bày trong bảng dưới đây:

	Đơn vị tính	2014	2015	2016
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	3.411.149	5.678.037	8.122.098
Chi phí lãi vay	Triệu đồng	692	11.466	19.225
Chi phí tài chính khác	Triệu đồng	0	2.275	2.250
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	2.120	2.756	3.307
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	159.995	167.995	179.755
Chi phí khác	Triệu đồng	721	1.201	1.724
Tổng chi phí	Triệu đồng	3.574.677	5.863.730	8.328.359

Bảng 34: Cơ cấu chi phí giai đoạn 2014-2016 của Vinatex

10.8. Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt 8-3

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016
1	Tổng tài sản	300.000	730.000	750.000
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000	250.000	365.000
3	Doanh thu và thu nhập khác	240.000	680.000	850.000
4	Lợi nhuận trước thuế	12.000	33.000	55.000
5	Lợi nhuận sau thuế	9.000	24.750	41.250
6	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	8,00%	13,20%	15,07%
7	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	6,00%	9,90%	11,30%
8	Lợi nhuận nộp về Tập đoàn	6.300	17.325	28.875
9	Tỉ suất lợi nhuận nộp về Tập đoàn/ Vốn đầu tư của CSH	4,20%	6,93%	7,91%

Bảng 35: Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt 8 - 3

10.9. Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016
1	Tổng tài sản	533.731	740.070	792.708
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	71.191	71.191	71.191
3	Doanh thu	603.625	892.750	1.109.899
4	Lợi nhuận trước thuế	20.863	23.469	26.077
5	Lợi nhuận sau thuế	16.273	18.306	20.340
6	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	29,31%	32,97%	36,63%
7	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	22,86%	25,71%	28,57%
8	Lợi nhuận nộp về Tập đoàn	11.391	12.814	14.238
9	Tỉ suất lợi nhuận nộp về Tập đoàn/ Vốn đầu tư của CSH	16%	18%	20%

Bảng 36: Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân

10.10. Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016
1	Tổng tài sản	260.000	309.000	325.000
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	164.000	164.000	164.000
4	Doanh thu và thu nhập khác	260.000	320.000	400.000
5	Lợi nhuận trước thuế	17.493	26.240	32.800
6	Lợi nhuận sau thuế	13.120	19.680	24.600
7	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	10,67%	16,00%	20,00%
8	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	8,00%	12,00%	15,00%
9	Lợi nhuận nộp về Tập đoàn	9.184	13.776	17.220
10	Tỉ suất lợi nhuận nộp về Tập đoàn/ Vốn đầu tư của CSH	5,60%	8,40%	10,50%

Bảng 37: Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương

10.11. Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt may Việt Nam

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016
1	Tổng tài sản	1.431.950	1.614.138	1.883.719
2	Vốn điều lệ	274.499	274.499	274.499
3	Doanh thu và thu nhập khác	2.604.138	3.124.966	3.749.959
4	Lợi nhuận trước thuế	32.025	45.751	54.900
5	Lợi nhuận sau thuế	24.019	34.313	41.175
6	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	11,67%	16,67%	20,00%
7	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	8,75%	12,50%	15,00%
8	Lợi nhuận nộp về Tập đoàn	19.215	27.450	32.940
9	Tỉ suất lợi nhuận nộp về Tập đoàn/ Vốn đầu tư của CSH	7,00%	10,00%	12,00%

Bảng 38: Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt may Việt Nam

10.12. Kế hoạch tài chính Xí nghiệp Veston Hải Phòng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016
1	Tổng tài sản	76.500	79.500	82.500
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	42.217	42.217	42.217
3	Doanh thu và thu nhập khác	75.600	80.500	85.000
4	Lợi nhuận trước thuế	7.568	9.082	10.595
5	Lợi nhuận sau thuế	5.903	7.084	8.264
6	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	17,93%	21,51%	25,10%
7	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	13,98%	16,78%	19,58%
8	Lợi nhuận nộp về Tập đoàn	5.903	7.084	8.264
9	Tỉ suất lợi nhuận nộp về Tập đoàn/ Vốn đầu tư của CSH	14%	17%	20%

Bảng 39: Kế hoạch tài chính Xí nghiệp Veston Hải Phòng

10.13. Kế hoạch tài chính của Trung tâm xử lý nước thải Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016
1	Tổng tài sản	76.000	80.000	83.000
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	36.000	36.000	45.000
3	Doanh thu	10.000	12.000	15.000
4	Lợi nhuận trước thuế	(3.000)	(2.000)	1.000
5	Lợi nhuận sau thuế	(3.000)	(2.000)	1.000
6	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	-8,33%	-5,56%	2,22%
7	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	-8,33%	-5,56%	2,22%
8	Lợi nhuận nộp về Tập đoàn	(3.000)	(2.000)	1.000
9	Tỉ suất lợi nhuận nộp về Tập đoàn/ Vốn đầu tư của CSH	-8,33%	-5,56%	2,22%

Bảng 40: Kế hoạch tài chính Trung tâm Xử lý nước thải KCN Dệt may Phố Nối

11. Kế hoạch đầu tư

TT	Dự án	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Quy mô (Cọc sợi)	Sản lượng tấn/năm (Ne30)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu □	Vốn vay thương mại	Kế hoạch vốn Chủ Sở hữu				Kế hoạch vốn vay			
									2014	2015	2016	2017	2014	2015	2016	2017
	TỔNG					11.581,8	4.435,4	7.146,4	982,7	1.082,0	854,0	802,7	941,5	1.923,0	1.789,0	1.440,9
I	NGÀNH SỢI			242.000		3.400,8	1.336,3	2.064,5	582,7	208,0	44,0	357,6	686,5	452,0	146,0	564,0
1	Dự án nhà máy Sợi Phú Hưng	Phú Bài-TT Huế	GD1:2013-2014	21.600	8.800	480,0	179,0	301,0	90,7			88,3	168,5			132,5
			GD2:2016-2017	18.400		220,8	77,3	143,5				77,3				143,5
2	Dự án nhà máy Sợi Nam Định	Hòa Xá-Nam Định	GD1:2013-2014	20.000	8.800	240,0	96,0	144,0	96,0				144,0			
			GD2:2016-2017	20.000		240,0	96,0	144,0				96,0				144,0
3	Dự án nhà máy sợi tại KCN Lê Minh Xuân	Tp Hồ Chí Minh	GD1:2013-2014	20.000	8.800	240,0	96,0	144,0	96,0				144,0			
			GD2:2016-2017	20.000		240,0	96,0	144,0				96,0				144,0
4	Dự án nhà máy Sợi tại Quế Sơn	Quế Sơn-Quảng Nam	2014-2015	30.000	6.600	360,0	144,0	216,0	100,0	44,0			70,0	146,0		
5	Dự án nhà máy Sợi Nam Đàn	Nam Đàn-Nghệ An	2013-2015	36.000	7.920	410,0	164,0	246,0	120,0	44,0			100,0	146,0		
6	Dự án nhà máy Sợi	Nghệ An/Long An	2015-2016	36.000	7.920	410,0	164,0	246,0		120,0	44,0			100,0	146,0	
7	Dự án nhà máy Sợi Yên Mỹ	Yên Mỹ-Hưng Yên	2014-2015	20.000		200,0	80,0	120,0	80,0	0,0			60,0	60,0		
8	Dự án N/m Sợi Khoái Châu	Khoái Châu-Hưng yên	2014-2015	30.000	6.600	360,0	144,0	216,0	80,0	64,0			80,0	136,0		

TT	Dự án	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Quy mô (Cọc sợi)	Sản lượng tấn/năm (Ne30)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu □	Vốn vay thương mại	Kế hoạch vốn Chủ Sở hữu				Kế hoạch vốn vay			
									2014	2015	2016	2017	2014	2015	2016	2017
II	DỆT NHUỘM					6.071,0	2.249,1	3.821,9	260,0	644,0	660,0	445,1	76,0	1.125,0	1.388,0	876,9
1	Dự án xây dựng nhà máy xơ Viscose (nghiên cứu tiền khả thi)	KCN Bour Bong Tây Ninh	2014-2017		30.000 tấn/ năm	2.386,0	835,1	1.550,9		200,0	310,0	325,1	0,0	371,0	576,0	603,9
2	Dự án khả thi sản xuất nhóm sản phẩm mới Dệt Len lông cừu	Nam Định	2014-2017	- Sợi 2 vụn cọc sợi - Dệt 14 triệu m/ năm - Nhuộm hoàn tất : 15 tr m/ năm	1884 tấn sợi len C.số 54/ năm	1.200,0	420,0	780,0		100,0	200,0	120,0	0,0	186,0	371,0	223,0
3	Dự án sản xuất vải yamdyed phía Nam	Long An	2013-2015	6 triệu mét/năm	6 triệu mét/năm	275,0	110,0	165,0	60,0	30,0	20,0		26,0	90,0	49,0	
4	Dự án sản xuất vải yamdyed tại Nam Định	Hòa Xá- Nam Định	2014-2016	6 triệu mét/năm	6 triệu mét/năm	250,0	100,0	150,0	40,0	40,0	20,0		0,0	100,0	50,0	
5	Dự án đầu tư N/m Dệt nhuộm vải thời	Quảng Nam (Hưng Yên, Nam Định)	2014-2017	12 triệu mét/năm	2.500 t/n	680,0	272,0	408,0	100,0	92,0	80,0		40,0	150,0	168,0	50,0
6	Dự án Nhà máy dệt vải mộc vải dệt kim	Nam Đàn- Nghệ An	2014-2016	4000 tấn/năm	4000 t/n	160,0	64,0	96,0	30,0	34,0			10,0	56,0	34,0	
7	Dự án Nhà máy nhuộm dệt kim	Nghệ An	2014-2016	4000 tấn/năm	4000 t/n	220,0	88,0	132,0	30,0	58,0				92,0	40,0	
10	Dự án Nm dệt nhuộm vải dệt kim	Quế Sơn- Quảng Nam	2014-2016	6000 tấn/năm	6000 t/n	600,0	240,0	360,0	30,0	130,0	80,0			200,0	160,0	
8	Dự án mở rộng năng lực sản xuất dệt kim tại Công ty Dệt kim Đông Phương	Long An	2015-2016	3000 tấn/năm	3000 t/n	300,0	120,0	180,0		90,0	30,0			80,0	100,0	

TT	Dự án	Địa điểm	Thời gian dự kiến	Quy mô (Cọc sợt)	Sản lượng tấn/năm (Ne30)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu □	Vốn vay thương mại	Kế hoạch vốn Chủ Sở hữu				Kế hoạch vốn vay			
									2014	2015	2016	2017	2014	2015	2016	2017
III	NGHÀNH MAY					1.100,0	440,0	660,0	90,0	200,0	150,0	0,0	139,0	266,0	255,0	0,0
1	Dự án đầu tư 300 chuyên may miền Trung	Miền Trung	2014-2016	300 chuyên may		400,0	160,0	240,0	40,0	80,0	40,0		46,0	100,0	94,0	
2	Dự án đầu tư 300 chuyên may phía Bắc	Miền Bắc	2014-2016	300 chuyên may		700,0	280,0	420,0	50,0	120,0	110,0		93,0	166,0	161,0	
V	NGUYÊN LIỆU					1.010,0	410,0	600,0	50,0	30,0	0,0	0,0	40,0	80,0	0,0	0,0
1	Dự án bông trang trại	Quảng Nam	2014-2015	1000 ha		200,0	80,0	120,0	50,0	30,0			40,0	80,0		
2	Dự án bông trang trại	Ninh Thuận	2014-2015	1000 ha		200,0	80,0	120,0	50,0	30,0			40,0	80,0		
4	Dự án bông trang trại	Đắk Lắk	2014-2015	1000 ha		200,0	80,0	120,0	50,0	30,0			40,0	80,0		
5	Dự án cây bạch đàn	Quảng Ninh	2014-2015	7000 ha		140,0	56,0	84,0	30,0	26,0			20,0	64,0		
6	Dự án cây bạch đàn	Lạng Sơn	2015-2016	5000 ha		110,0	50,0	60,0		20,0	30,0			30,0	30,0	
7	Dự án cây bạch đàn	Cao Bằng/	2015-2016	8000 ha		160,0	64,0	96,0		30,0	34,0			50,0	46,0	

Bảng 41: Các dự án đầu tư giai đoạn 2013-2016 do Vinatex làm chủ đầu tư

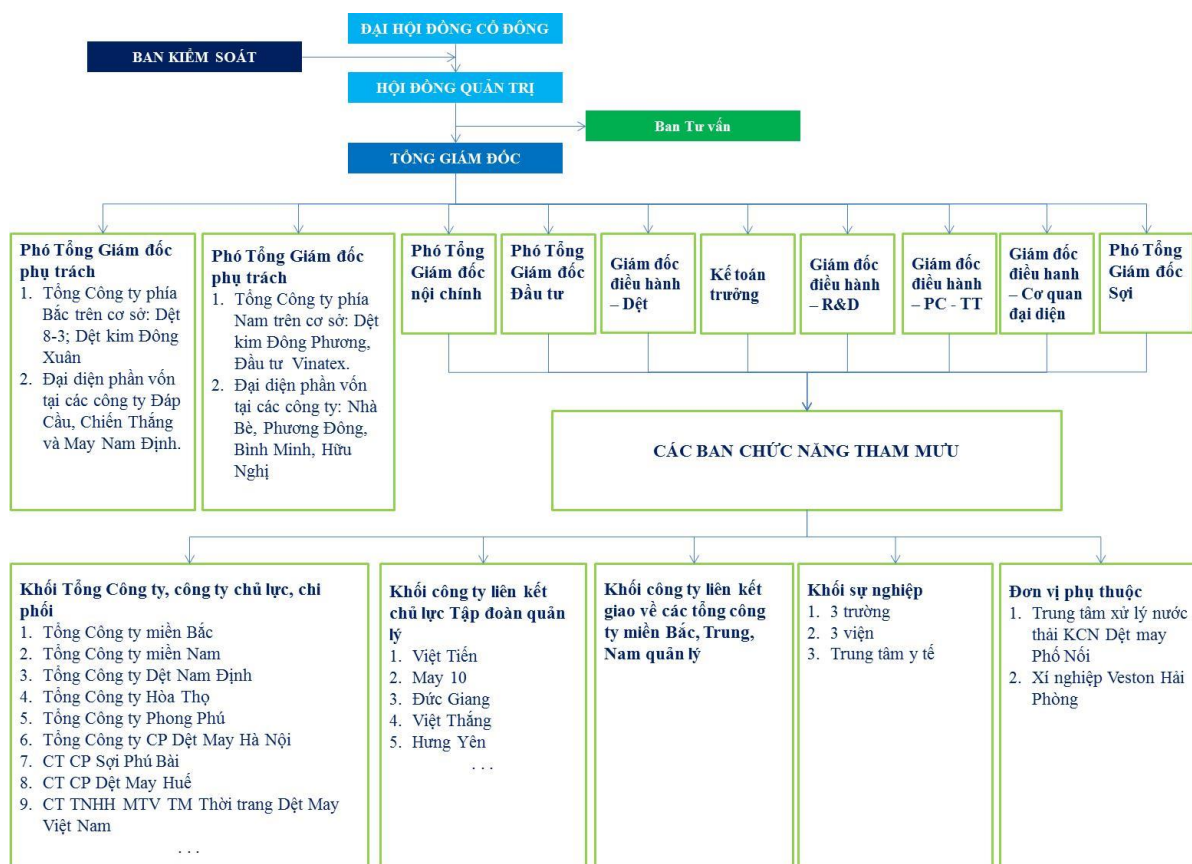
PHẦN THỨ BA: THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Cơ cấu tổ chức Vinatex

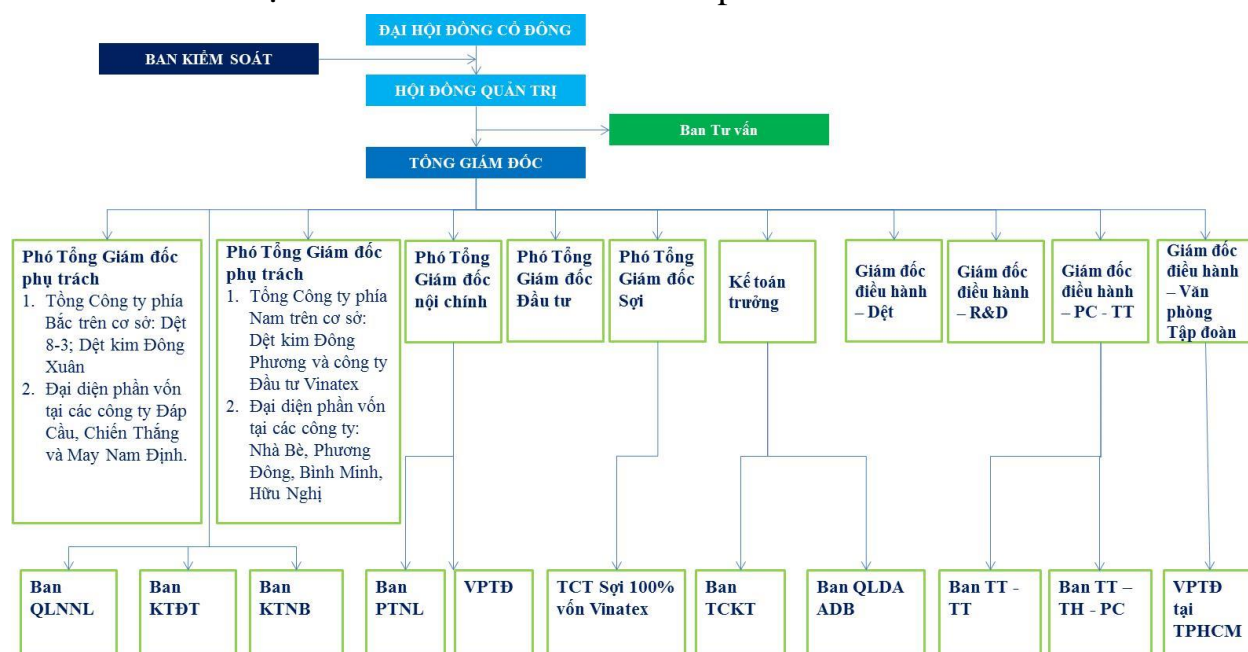
1.1. Mô hình tổ chức

Dự kiến, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn sau khi cổ phần hóa như sau:



Hình 10: Cơ cấu tổ chức Tập đoàn sau Cổ phần hóa

Cơ cấu tổ chức dự kiến của Vinatex sau khi cổ phần hóa như sau:



Hình 11: Cơ cấu tổ chức của Vinatex sau cổ phần hóa

1.2. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận/ phòng ban

1.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

Đại hội đồng cổ đông có các quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn và nghĩa vụ được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

1.2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

1.2.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thay mặt cổ đông giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Ban tư vấn

Ban Tư vấn Tập đoàn là bộ phận nghiên cứu, tư vấn, tham mưu cho HĐQT và Cơ quan điều hành về các mặt hoạt động của Tập đoàn.

1.2.5. Cơ quan điều hành

Cơ quan điều hành bao gồm 01 Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các Giám đốc điều hành. Cơ quan điều hành thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt.

1.2.6. Các Phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ, giúp việc

1.2.7. Các đơn vị sự nghiệp: Các đơn vị sự nghiệp đề nghị giao cho Vinatex quản lý bao gồm:

- Viện Dệt may.
- Viện mẫu thời trang Việt Nam.
- Viện nghiên cứu bông và phát triển nông nghiệp Nha Hồ.
- Trường cao đẳng công nghiệp dệt may và thời trang Hà Nội.
- Trường cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Vinatex.
- Trường cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Vinatex tại thành phố Hồ Chí Minh.
- Trung tâm y tế dệt may.

Danh sách các công ty, đơn vị là thành viên của Tập đoàn được trình bày tại **Phụ lục 9**.

2. Chiến lược và các mục tiêu cụ thể của toàn Tập đoàn và Vinatex

2.1. Chiến lược sản xuất kinh doanh tới 2015

Theo Quyết định 429/QĐ-TTg ngày 12/4/2012, chiến lược sản xuất kinh doanh của Tập đoàn tới năm 2015 là phát triển Tập đoàn Dệt May Việt Nam thành đơn vị kinh tế vững mạnh, là đơn vị nòng cốt của ngành dệt may Việt Nam, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, đạt hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu tiêu dùng trong nước ngày càng cao, tạo nhiều việc làm cho xã hội, đảm bảo phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái, hội nhập vững chắc kinh tế khu vực và thế giới.

2.2. Mục tiêu phát triển cụ thể

➤ Mục tiêu về tổ chức và quản trị

Trong giai đoạn 2013-2015, đảm bảo vai trò đầu mối, định hướng phát triển của Vinatex, tập trung vào các lĩnh vực ngành nghề cốt lõi để phát triển theo chiều sâu, phát triển các sản phẩm có chất lượng cao, yêu cầu kỹ thuật nhiều.

Tập đoàn cũng hướng tới hoàn thiện và nâng cao chất lượng chuỗi cung ứng Sợi – Dệt – Nhuộm hoàn tất – May, nâng cao giá trị gia tăng trong sản phẩm dệt may của Tập đoàn.

➤ **Mục tiêu về thị trường**

- Tiếp tục phát triển các thị trường chính là Mỹ, EU và Nhật Bản. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu vào các thị trường này tới năm 2015 đạt 2.949 triệu đô la, chiếm 76% tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn Tập đoàn. Tuy nhiên cũng chú trọng phát triển các thị trường mới như Hàn Quốc, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Đông, Trung Quốc để tránh phụ thuộc vào các thị trường dệt may chính. Đảm bảo hoàn thành mục tiêu: kim ngạch xuất khẩu tính đủ tăng trưởng bình quân 15%/năm. Vinatex sẽ tiếp tục đóng vai trò nòng cốt trong việc phát triển thị trường và xúc tiến thương mại.
- Giữ chi phối các kênh phân phối trong nước thông qua hệ thống siêu thị Vinatex Mart. Đây là kênh phân phối dành cho các đơn vị có năng lực trung bình về cả sản phẩm và khả năng cạnh tranh để bán sản phẩm. Đạt mục tiêu xây dựng 204 siêu thị và địa điểm bán hàng quy mô lớn vào năm 2015.
- Xây dựng 02 thương hiệu thời trang riêng của Tập đoàn theo định hướng: 01 thương hiệu thời trang cao cấp, 01 thương hiệu thời trang có chất lượng tốt, không định hướng tập trung vào các sản phẩm phục vụ phân khúc thị trường cấp thấp.

➤ **Các mục tiêu về tài chính**

- Doanh thu: Doanh thu toàn Tập đoàn 53.700 tỷ đồng vào năm 2016.
- Lợi nhuận trước thuế toàn Tập đoàn đạt 2.144 tỷ đồng vào năm 2016.
- Đối với Vinatex tới năm 2016:
 - Tổng doanh thu và thu nhập: Đạt mức 9.105 tỷ.
 - Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế hàng năm: Đạt trên 25%.
 - Vốn chủ sở hữu: Đạt mức 9.148 tỷ.
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 7,8%.

3. Hoạt động của các đơn vị sự nghiệp sau cổ phần hóa

Tập đoàn đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép được tiếp tục quản lý 07 đơn vị sự nghiệp của Tập đoàn gồm 03 Trường đào tạo, 03 Viện nghiên cứu và 01 trung tâm y tế, cụ thể:

- Giao quyền quản lý khối sự nghiệp cho Tập đoàn (bao gồm cả bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo, quyết định đầu tư, phê duyệt chỉ tiêu đào tạo...);
- Giao cho Tập đoàn là đầu mối trong việc tiếp nhận, cấp phát, quyết toán các nguồn kinh phí về: chi phí thường xuyên, đầu tư... từ ngân sách và các nguồn khác;
- Tiếp tục được hưởng các cơ chế tài chính theo Thông tư 32/2010/BTC ngày 09 tháng 03 năm 2010 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện theo Quyết định 36/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 03 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”.

II. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG

1. Kế hoạch tuyển dụng lao động

Đề phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa, Vinatex và các công ty TNHH MTV sẽ tiếp tục tuyển dụng thêm lao động. Kế hoạch lao động qua các năm cụ thể như sau:

STT	Nội dung	2014	2015	2016
1	Vinatex	165	170	180
2	Trung tâm XLNT KCN Dệt May Phố Mới	17	21	23
3	Xí nghiệp Veston Hải Phòng	800	800	800
4	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	1.390	1.550	1.670
5	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	276	301	335
6	Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	267	600	600
7	Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam	2.490	2.690	2.830
Tổng		5.405	6.132	6.438

Bảng 42- Kế hoạch tuyển dụng lao động giai đoạn 3 năm sau cổ phần hóa của Vinatex và các công ty TNHH MTV

2. Kế hoạch sử dụng lao động trong 5 năm sau cổ phần hóa

Giai đoạn 5 năm sau khi thực hiện cổ phần hóa, Vinatex vẫn tiếp tục phải giải quyết chế độ cho người lao động nhằm đảm bảo cơ cấu lao động phù hợp với tình hình hoạt động mới. Chi phí để giải quyết chế độ sẽ tạo áp lực lớn tới chi phí hoạt động và ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Vinatex và các đơn vị thành viên. Do vậy, Vinatex đề xuất được để lại số tiền ước tính là 19.766.284.125 đồng chưa nộp về quỹ sắp xếp lao động để giải quyết chế độ cho những người lao động. Số tiền này sẽ được quyết toán với Nhà nước sau năm (05) năm kể từ khi Vinatex đi vào hoạt động.

Kế hoạch giải quyết chế độ cho người lao động trong giai đoạn 5 năm sau cổ phần hóa được trình bày tại **Phụ lục 9**.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT

Sau khi cổ phần hóa, Tập đoàn tiếp tục được giao quản lý và sử dụng diện tích đất như trước khi cổ phần hóa cho các mục đích làm nhà xưởng sản xuất kinh doanh, văn phòng làm việc... Chi tiết kế hoạch sử dụng đất sau cổ phần hóa được trình bày tại **Phụ lục 1** của Phương án này.

PHẦN BỐN: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Tập đoàn thực hiện cổ phần hóa đồng thời Công ty mẹ Tập đoàn và 4 công ty TNHH MTV. Để thực hiện cổ phần hóa thành công, Bộ Công Thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam xin kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ một số kiến nghị sau:

1. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy mô và cơ cấu vốn điều lệ của tập đoàn khi cổ phần hoá, tỷ lệ bán và phương thức bán cho nhà đầu tư chiến lược như trong nội dung Phương án cổ phần hoá Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
2. Đối với các đơn vị sự nghiệp: Hoạt động của các đơn vị này là hoạt động không thể tách rời với các hoạt động nhằm phục vụ cho chuyên ngành dệt may. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã có công văn số 893/TĐDMVN-ĐM&PTDN ngày 12/09/2012 đề nghị tách phần vốn của các đơn vị sự nghiệp ra khỏi phần vốn của công ty Mẹ-Tập đoàn trước khi xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa và các đơn vị sự nghiệp này đề nghị vẫn giao Tập đoàn quản lý, được hạch toán như quy định với các đơn vị sự nghiệp và tiếp tục được hưởng các cơ chế chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định hiện hành. Bộ Tài chính đã có văn bản 14529/BTC-TCĐN ngày 23/10/2012, Bộ Công Thương đã có văn bản 1419/BTC-TC ngày 03/10/2012 trình Chính phủ đồng ý với đề nghị của Tập đoàn. Thủ tướng chính phủ đã đồng ý tại văn bản 9791/VPCP-ĐMDN ngày 29/11/2012. Theo quy định tại Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, nếu tính giá trị phần vốn nhà nước của các đơn vị này và để tính chung vào hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Tập đoàn sẽ gây khó khăn cho Tập đoàn sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Do vậy, đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép Tập đoàn được tiếp tục quản lý các đơn vị sự nghiệp với nội dung sau:
 - a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo, quyết định đầu tư, phê duyệt chỉ tiêu đào tạo...
 - b) Là đầu mối trong việc tiếp nhận, cấp phát, quyết toán các nguồn kinh phí về: chi phí thường xuyên, đầu tư từ ngân sách và các nguồn khác.
 - c) Tiếp tục được hưởng các cơ chế tài chính theo Thông tư 32/2010/BTC ngày 09 tháng 03 năm 2010 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện theo

Quyết định 36/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 03 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”.

Giao Bộ Công Thương sẽ chỉ đạo Tập đoàn thực hiện đánh giá và tiếp nhận lại các đơn vị sự nghiệp và chỉ đạo điều chỉnh tăng phần vốn Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần và không tính cổ tức đối với phần giá trị vốn nhà nước tại các đơn vị này.

3. Đối với tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: Tập đoàn đề nghị Chính phủ cho phép Tập đoàn được để lại trong 5 năm sau khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần để sử dụng cho các mục đích:

a) Hỗ trợ kinh phí sắp xếp lao động cho Công ty mẹ Tập đoàn. Chi tiết cụ thể Tập đoàn sẽ báo cáo Bộ Công Thương và các Bộ có liên quan xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Hỗ trợ chi trợ cấp thôi việc cho các công ty thành viên của Tập đoàn đã thực hiện cổ phần hóa trong vòng 05 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

c) Tập đoàn đề nghị Chính phủ cho phép được sử dụng số tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để hỗ trợ vốn cho đầu tư theo hình thức vay với mức lãi suất thấp. Chi tiết cụ thể Tập đoàn sẽ báo cáo Bộ Công Thương và các Bộ có liên quan xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Đối với công nợ phải thu khó đòi của Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương, do các khoản công nợ lâu năm và các đối tác gặp nhiều khó khăn, Tập đoàn đề nghị Chính phủ xem xét và giải quyết theo cơ chế đặc thù. .

5. Đề nghị cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa được kế thừa các cơ chế chính sách sau:

a) Đối với chương trình cây bông: Tiếp tục được hưởng cơ chế ưu đãi theo Quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt chương trình phát triển cây bông vải Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020” và Quyết định 36/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 03 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”.

b) Đối với tiền chuyển mục đích sử dụng đất: Được tiếp tục sử dụng nguồn tiền từ chuyển mục đích sử dụng đất theo ý kiến của Chính phủ tại văn bản số 1855/TTg-KTN ngày 05 tháng 11 năm 2012 về việc “cơ chế sử dụng tiền chuyển mục đích sử dụng đất một số dự án thuộc Tập đoàn Dệt May Việt nam” và văn bản số 6932/VPCP-KTN ngày 20 tháng 8 năm 2013 về “cơ chế quản lý, sử dụng tiền sử dụng đất của dự án tại số 460 phố Minh Khai, quận Hai Bà Trưng và số 25 ngõ 13 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội” tăng vốn đầu tư của Tập đoàn khi có quyết toán công trình.

c) Tiếp tục cho Tập đoàn được vay vốn từ nguồn ADB để tái cấu trúc lại Tập đoàn.

6. Đối với một số CBCNV trước đây đã công tác tại công ty mẹ và một số công ty cổ phần hoá cùng Công ty mẹ nhưng chưa mua cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật, tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp đã chuyển sang đơn vị khác trong Tập đoàn, Tập đoàn xin đề nghị được tính là lao động đặc thù được mua ưu đãi cổ phần như sau:

a) 7 người đang công tác tại Công đoàn Dệt may Việt Nam; Số cổ phần ưu đãi kiến nghị cho các đối tượng này là 19.700 cổ phần.

b) 2 người đã công tác tại Tập đoàn tới thời điểm 31/12/2012. Số cổ phần ưu đãi kiến nghị cho các đối tượng này là 6.700 cổ phần.

Tổng số cổ phần ưu đãi kiến nghị cho các đối tượng này là 26.400 cổ phần.

Danh sách các đối tượng này được trình bày tại **Phụ lục 10** của Phương án này.

7. Đề nghị cho phép Tập đoàn sau năm thứ 2 kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được bán tiếp vốn nhà nước để giảm bớt xuống dưới mức chi phối theo quy định.

8. Đề nghị giao cho Bộ Công Thương quản lý phần vốn nhà nước tại Tập đoàn sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và thực hiện một số quyền theo quy định của pháp luật đối với quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu vốn nhà nước tại các Tập đoàn sau khi cổ phần hoá.

PHẦN THỨ NĂM: PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Danh mục các cơ sở nhà đất Tập đoàn quản lý trước và sau cổ phần hóa

STT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng trước cổ phần hóa	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa
	TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM	92.667		
1	Địa điểm số 25 Bà Triệu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	995	Thuê đất trả tiền hàng năm	Thuê đất trả tiền hàng năm
2	Địa điểm số 27 Bà Triệu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	28	Thuê nhà, đất trả tiền hàng năm	Thuê nhà, đất trả tiền hàng năm
3	Địa điểm số 57 B Phan Chu Trinh - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	155	Thuê nhà, đất trả tiền hàng năm	Thuê nhà, đất trả tiền hàng năm
4	Địa điểm số 32 Tràng Tiền - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	678	Thuê nhà, đất trả tiền hàng năm	Thuê nhà, đất trả tiền hàng năm
5	Địa điểm số 28 ngõ 53 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội	5.752	Sử dụng làm văn phòng làm việc, xưởng sản xuất của Công ty HTKD Vinatex-OJ thuộc Tập đoàn	Sử dụng làm văn phòng làm việc, xưởng sản xuất của Công ty cổ phần thuộc Tập đoàn
6	Địa điểm số 2 Lê Thánh Tông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	237	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục Thuê đất trả tiền hàng năm
7	Khu công nghiệp Đà Nẵng (An Đồn - Thành phố Đà Nẵng)	26.955	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm và quản lý khai thác có hiệu quả
8	Căn hộ 802 Tòa nhà Pacific Place - 83B Lý Thường Kiệt - Hà Nội	69	Hợp đồng thuê dài hạn ngày 30/11/2007 giữa Công ty TNHH TTTM Ever Fortune và Tập đoàn Dệt may Việt Nam làm nhà công vụ	Tiếp tục sử dụng Nhà công vụ của Tập đoàn
9	Căn hộ 1307 Tòa nhà Golden Westlake - 151 Thụy Khuê - Hà Nội	128	Hợp đồng mua bán số 244/HĐ/GW ngày 23/12/2009 của Công ty TNHH Hà Việt Tungsing, có diện tích sử dụng 128m2 làm nhà công vụ	Tiếp tục sử dụng Nhà công vụ của Tập đoàn
10	Địa điểm 41 A Lý Thái Tổ - Quận Hoàn Kiếm Thành phố Hà Nội	2.064	Thuê nhà, đất trả tiền hàng năm	Thuê nhà, đất trả tiền hàng năm
11	Địa điểm số 10 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP HCM	488	Thuê đất trả tiền hàng năm. Tập Đoàn xây dựng tòa nhà bằng nguồn vốn vay.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
12	Địa điểm số 39-41-43 Bến Chương Dương, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP HCM	963	Nhà nước giao đất thu tiền sử dụng đất một lần. Đang triển khai dự án TTTM dệt may theo quy hoạch được duyệt	Tiếp tục thực hiện dự án theo quy hoạch đã được TP HCM phê duyệt
	CHI NHÁNH TD DMVN - XN SX KD VESTON HẢI PHÒNG	42.508		
	Khu Công nghiệp Tân Liên - Vĩnh Bảo - Hải Phòng	42.508	Đất thuê trả tiền hàng năm	Đất thuê trả tiền hàng năm
	TTXLNT KCN DỆT MAY PHỐ NỘI	11.648		
	Khu công nghiệp Dệt may Phố Nội - Yên Mỹ - Hưng Yên	11.648	Thuê đất KCN	Thuê đất KCN

STT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng trước cổ phần hóa	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa
	Công ty TNHH MTV TMTT DỆT MAY VIỆT NAM	23.509		
1	78 Đường Lý Thường Kiệt, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak	4.445	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
2	Đường Nguyễn Du - Triệu Quang Phục, P. Lạc Đạo, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	1.081	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
3	64A Quốc lộ 1A, F7, Khóm 5, Phường 6, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	4.797	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
4	Khối Phú Xuân, Thị trấn Phú Phong, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định	6.705	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
5	Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	4.758	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
6	Số 42 đường 30/4, Thành phố Cần Thơ	1.723	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
	Công ty TNHH MTV DỆT KIM ĐÔNG XUÂN	195.322		
1	Số 524 - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội	22.356	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
2	Số 250 - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội	2.266	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
3	Xã Tân Dân - Huyện Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên	66.095	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
4	67 Ngõ Thi Nhậm - Hoàn Kiếm - Hà Nội	14.744	-Thuê đất trả tiền hàng năm. Đang phối hợp với đối tác xây dựng dự án theo quy hoạch được Thành phố phê duyệt □	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm. Tiếp tục cùng với đối tác triển khai thực hiện dự án Văn phòng TTMM, theo quy hoạch và phương án Thành phố chấp thuận đáp ứng nhu cầu văn phòng làm việc của Tập Đoàn và các đơn vị thành viên.
5	Xã Tân Dân - Huyện Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên	89.862	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
	Công ty TNHH MTV DỆT KIM ĐÔNG PHƯƠNG	72.307		
1	Lô đất vị trí HA2 - Khu Công nghiệp Xuyên Á - Xã Mỹ Hạnh Nam - Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An	70.015	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
2	Lô đất 1009 - Thoại Ngọc Hầu - Phường 19 - Quận Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh	2.292	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm. Tiếp tục thực hiện dự án Văn phòng TTMM; chuyển mục đích sử dụng đất tại 1009 Thoại Ngọc Hầu – Quận Tân Phú – Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện dự án theo kết luận tại văn bản số 1818/BTC–QLCS ngày 11/02/2011 của Bộ Tài Chính
	Công ty TNHH MTV DỆT 8/3	106.915		
1	460 Minh Khai HBT - HN	4.105	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
2	XN Sợi Phú Xuyên - TT Phú Xuyên HN	28.299	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
3	XN Dệt km6+200 Thị trấn Yên Mỹ Hưng Yên	42.657	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
4	Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B - Yên Mỹ - Hưng Yên	27.000	Thuê đất trả trước 1 lần	Tiếp tục sử dụng làm đúng mục đích
5	Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B - Yên Mỹ - Hưng Yên	4.854	Thuê đất trả trước 1 lần	Tiếp tục sử dụng làm đúng mục đích

Ghi chú: Địa điểm số 67 Ngõ Thi Nhậm - Hoàn Kiếm - Hà Nội: tại công văn số 5062/VPCP-ĐMDN ngày 24/6/2013 thực hiện như sau : “Đối với nhà cửa vật kiến

trúc tại 67 Ngô Thì Nhậm – thành phố Hà Nội của Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân và những diện tích đất Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có nhu cầu sử dụng : bàn giao lại cho thành phố, địa phương để bố trí theo quy hoạch và thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định; nếu được đền bù di dời thì phần chênh lệch (nếu có) giữa số tiền nhận được từ đền bù di dời với giá trị còn lại theo sổ sách của tài sản, Công ty cổ phần nộp vào ngân sách nhà nước, đưa nội dung này vào phương án cổ phần hóa và công bố thông tin cho các nhà đầu tư biết khi chào bán cổ phần ra công chúng.”

Phụ lục 2: Danh sách người lao động được mua ưu đãi cổ phần

Phụ lục 3: Danh sách người lao động đăng ký mua thêm cổ phần và số cổ phần đăng ký mua thêm

**Phụ lục 4: Danh sách người lao động có tên trong danh sách thường xuyên
tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp**

Phụ lục 5: Danh sách lao động cần sử dụng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa

Phụ lục 6: Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa

Kế hoạch lao động 3 năm sau cổ phần hóa

**Phụ lục 7: Danh sách người lao động không có nhu cầu sử dụng sau khi
cổ phần hóa**

Phụ lục 8: Kế hoạch giải quyết chế độ cho người lao động trong giai đoạn 5 năm sau cổ phần hóa

Phụ lục 9: Danh sách các công ty, đơn vị thành viên của Tập đoàn sau cổ phần hóa

- Các công ty con bao gồm:
 - Tổng Công ty Miền Bắc
 - Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8/3
 - Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân
 - Tổng Công ty Miền Nam
 - Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương
 - Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Vinatex
 - 01 công ty TNHH Một thành viên do Tập đoàn nắm 100% vốn điều lệ
 - Công ty TNHH Một thành viên Thương mại thời trang dệt may Việt Nam
 - 12 công ty do Tập đoàn nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ gồm:
 - Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú
 - Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội
 - Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
 - Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
 - Công ty Cổ phần Dệt May Huế
 - Công ty Cổ phần Len Việt Nam
 - Công ty Cổ phần Bông Việt Nam
 - Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
 - Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
 - Công ty Cổ phần Sản Xuất – Xuất Nhập Khẩu Dệt May
 - Công ty Cổ phần hợp tác lao động và Thương mại
 - Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Dệt May Phố Nối
- Các công ty liên kết bao gồm 38 công ty

- Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến
- CTCP Vinatex Hồng Lĩnh
- Công ty CP SXKD Nguyên liệu DM Việt Nam
- Công ty CP Phát triển Hạ tầng công nghiệp và sản xuất kinh doanh dệt may VN
- Công ty TNHH May mặc xuất khẩu Tân Châu
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn May Thành Đông
- Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú
- Tổng Công ty May 10-CTCP
- Tổng công ty Việt Thắng-CTCP
- Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thiên Quan
- Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP
- Công ty Hợp tác kinh doanh Vinatex - OJ
- Công ty CP Tư vấn xây dựng và dịch vụ Đầu tư
- Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- Công ty Cổ phần May Nam Định
- Công ty Cổ phần Sản xuất và dịch vụ Dệt may
- Công ty Cổ phần May Hữu Nghị
- Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội
- Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP
- Công ty Cổ phần May Chiến Thắng
- Công ty Cổ phần TCT May Đồng Nai
- Công ty Cổ phần May Phương Đông
- Công ty Cổ phần May Bình Minh
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo

- Công ty Cổ phần May Đáp Cầu
 - Công ty Cổ phần đầu tư Phước Long
 - Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bình Thắng
 - Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM
 - Công ty Cổ phần Cung ứng vật tư Dệt may VN
 - Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi dầu khí
 - Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định
 - Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinatex
 - Công ty CP ĐT và PTHT Thiên Hưng
 - Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú
 - PVTEX Phú Bài
 - Công ty Cổ phần đầu tư An Phát
 - Công ty Chứng khoán Gia Quyền
- 07 đơn vị khối viện trường bao gồm:
- Viện Dệt May
 - Viện Mẫu Thời Trang Việt Nam
 - Viện Nghiên Cứu Bông và Phát Triển Nông Nghiệp Nha Hồ
 - Trung Tâm Y Tế - Bệnh Viện Dệt May
 - Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May và Thời trang Hà Nội
 - Trường Cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Vinatex thành phố Hồ Chí Minh
 - Trường Cao đẳng nghề Kinh tế-Kỹ thuật Vinatex
- 02 đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:
- Trung tâm Xử lý nước thải Phố Nối
 - Xí nghiệp Veston Hải Phòng

Phụ lục 10: Danh sách lao động đặc thù được mua ưu đãi cổ phần

Phụ lục 11: Biên bản đại hội công nhân viên chức bất thường

Phụ lục 12: Chi tiết chi phí cổ phần hóa

Chi phí cổ phần hóa được phê duyệt tại Quyết định số 3606/QĐ-BCT ngày 25 tháng 06 năm 2012 (đính kèm).

Phụ lục 13:

Các văn bản pháp lý liên quan về việc cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Hồ sơ đất đai (Xem quyền đóng riêng nộp kèm theo)

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Xem quyền đóng riêng nộp kèm theo)

Phụ lục 14: Tiêu chí đăng ký mua thêm cổ phần.

Phụ lục 15: Kết quả định giá cổ phiếu

1. Kết quả định giá cổ phiếu sử dụng mô hình chiết khấu cổ tức

	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Lợi nhuận	355.752	506.612	709.187	944.080	1.240.402	1.607.091	1.955.249
Cổ tức	307.548	437.966	599.618	714.197	917.277	1.161.123	1.362.809
Vốn góp thêm	1.109.413	578.100	643.674	306.000			
Dòng tiền ròng	(801.865)	(140.134)	(44.056)	408.197	917.277	1.161.123	1.362.809
Giá trị cuối cùng							14.651.851
Tổng dòng tiền	(801.865)	(140.134)	(44.056)	408.197	917.277	1.161.123	16.014.660
Giá trị hiện tại dòng tiền	(697.274)	(105.961)	(28.968)	233.388	456.049	501.986	6.020.504
Tổng giá trị doanh nghiệp (triệu đồng)	6.379.723						
Số cổ phiếu	500.000.000						
Giá cổ phiếu (đồng)	12.759						
Tỉ lệ chi trả cổ tức sau năm 2020	70%						
ROE năm 2020	17%						
Tỉ lệ tăng trưởng cổ tức g	5%						
Lợi suất yêu cầu	15%						

- Kế hoạch trả cổ tức dự kiến của Vinatex sau khi cổ phần hóa được đưa ra trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến cho giai đoạn 2014-2020
- Kế hoạch vốn góp thêm được dựa trên kế hoạch tăng vốn chủ sở hữu của Vinatex trong giai đoạn 2014-2017
- Giá trị cuối cùng là giá trị của doanh nghiệp khi bán đi, phản ánh giá trị hiện tại của các luồng cổ tức cổ đông nhận được từ năm 2021 đến vô cùng, và được tính bằng công thức:

$$\text{Giá trị cuối cùng} = D_{2020} \cdot (1+g) / (R_e - g)$$

Trong đó

D₂₀₂₀ là cổ tức chi trả của năm 2020 (đơn vị tính: triệu đồng)

g là mức tăng trưởng của cổ tức

R_e là mức lợi suất yêu cầu

- g là mức tăng trưởng của cổ tức. Giả định rằng tỷ lệ chi trả cổ tức (Cổ tức/Lợi nhuận) được giữ không đổi, g cũng là mức tăng trưởng của lợi nhuận của Vinatex, và được tính bằng công thức:

$$g = (1 - \text{Tỷ lệ chi trả cổ tức}) \times \text{ROE} = \text{Tỷ lệ giữ lại lợi nhuận} \times \text{ROE}$$

Trong đó:

Tỉ lệ chi trả cổ tức sau năm 2020 được giả định giữ nguyên ở mức 70% như năm 2020

ROE của năm 2020 = 17%

Theo đó g = 5%

- Dựa trên tình hình lãi suất trên thị trường, đặc điểm của Vinatex, tỉ lệ lợi suất yêu cầu được giả định bằng $= 15\%$
- Giá trị doanh nghiệp được xác định bằng tổng giá trị hiện tại của các dòng tiền cổ tức từ năm 2014 đến năm 2020 và giá trị cuối cùng. Giá trị doanh nghiệp $= 6.379.723$ triệu đồng.
- Tổng số cổ phần dự định phát hành là 500.000.000 cổ phần
- Giá mỗi cổ phần dự kiến $= 6.379.723.000.000 / 500.000.000 = 12.759$ đồng/cổ phiếu

2. Kết quả định giá cổ phiếu sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu

Căn cứ vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn chủ sở hữu đã được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định 4373/ QĐ-BCT ngày 28/6/2013, và Quyết định 10132/QĐ-BCT ngày 30/12/2013 sửa đổi Điều 1 và Điều 2 Quyết định 4373/QĐ-BCT ngày 28/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa:

Giá trị phần vốn chủ sở hữu được xác định $= 4.299.595.911.499$ đồng

Giá trị phần vốn chủ sở hữu theo sổ sách $= 4.004.778.699.692$ đồng

Theo đó , tỉ lệ P/B $= 4.299.595.911.499 / 4.004.778.699.692 = 1,0736$

Do vậy giá mỗi cổ phiếu $= 10.736$ đồng/ cổ phiếu.

Phụ lục 16: Báo cáo tài chính.